

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

THÂN ĐÌNH TRUNG

**TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO
SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ
VIỆT NAM TỰ THỰC TIỄN QUẬN LONG BIÊN,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Luật Hình sự và tố tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Trần Hữu Tráng

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu ghi trong luận văn là trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Thân Đình Trung

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC	8
1.1. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	8
1.2. Phân biệt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với một số tội phạm khác	22
1.3. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác trong sự so sánh với Bộ luật hình sự 2015.....	28
CHƯƠNG 2: ÁP DỤNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC TẠI QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....	33
2.1 Định tội danh tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.....	33
2.2 Quyết định hình phạt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.....	48
2.3. Một số khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng Bộ luật hình sự đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	60
Chương 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC	71
3.1. Hoàn thiện quy định về tình tiết định tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	72
3.2. Hoàn thiện quy định về tình tiết định khung của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác:	73
3.3. Các giải pháp khác	75
KẾT LUẬN.....	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	81

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	: Bộ luật hình sự
BLTTHS	: Bộ luật tố tụng hình sự
CTTP	: Cấu thành tội phạm
TNHS	: Trách nhiệm hình sự
CQĐT	: Cơ quan điều tra
VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân
VKSNDTC	: Viện kiểm sát nhân dân tối cao
TAND	: Tòa án nhân dân
TANDTC	: Tòa án nhân dân tối cao
HĐXX	: Hội đồng xét xử

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Cơ cấu tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác so với tổng số vụ án đã giải quyết tại Tòa án nhân dân quận Long Biên.....	37
Bảng 2.2. Số liệu, tỷ lệ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác bị đình chỉ, tạm đình chỉ từ năm 2011-2015....	38
Bảng 2.3. Tình hình quyết định hình phạt của Tòa án từ năm 2011 đến 2015	52
Bảng 2.4. Bảng thống kê vụ án trả điều tra bổ sung (2011 – 2015)	71
Bảng 2.5. Bảng thống kê nội dung vụ án trả điều tra bổ sung (2011 – 2015).	71

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Con người là nhân tố quan trọng không thể thiếu trong xã hội, con người với bàn tay lao động và trí óc sáng tạo đã xây dựng và phát triển một xã hội ngày càng tươi đẹp. Vì thế bảo vệ con người tạo dựng một xã hội trong sách và lành mạnh cho sự phát triển của con người là nhiệm vụ quan trọng của mỗi quốc gia. Việt Nam là một nước xã hội chủ nghĩa nên yếu tố con người càng được coi trọng bởi Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Đặc biệt, bảo vệ con người trước hết là bảo vệ sức khỏe và tính mạng là những tài sản vô giá của mỗi người. Hiến pháp năm 2013 tại Điều 20 quy định “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm”. BLHS năm 1999 phân các tội phạm sau chương 11 quy định các tội xâm phạm An ninh Quốc gia là Chương 12 quy định các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người. Điều đó thể hiện Nhà nước ta rất coi trọng và bảo vệ quyền con người.

Tuy vậy, những năm gần đây nhóm tội xâm phạm về tính mạng, sức khỏe có xu hướng gia tăng trong đó tội cố ý gây thương tích đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe con người, gây bất ổn cho xã hội, là tội phạm thường xuyên diễn ra và là mối quan tâm nhức nhối của cả nước nói chung và trên địa bàn quận Long Biên, thành phố Hà Nội nói riêng. Đặc biệt tình trạng thanh thiếu niên tụ tập gây mâu thuẫn để đánh nhau, các mâu thuẫn trong tranh chấp làm ăn kinh tế, xung đột gia đình không được giải quyết tốt... đã dẫn đến những hành vi cố ý xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác, gây ra hậu quả rất lớn, tỷ lệ thương tích gây ra cho người bị hại cũng rất cao, có trường hợp còn dẫn đến chết người. Gần đây, trên địa bàn còn xuất hiện và ngày càng gia tăng việc các băng nhóm hoặc lôi kéo thêm người khác vào cùng gây ra mâu thuẫn để tạo cớ đánh nhau hay trả thù cá nhân. Các đối tượng thường sử dụng các thủ đoạn để tạo cớ đánh nhau hay trả thù cá nhân. Các đối

tượng thường sử dụng các loại hung khí nguy hiểm như mã tấu, dao, xà beng... để gây thương tích cho người khác.

Trong thời gian qua các Cơ quan tiến hành tố tụng Long Biên, thành phố Hà Nội đã tích cực phát hiện, điều tra, truy tố và đưa ra xét xử các vụ phạm tội cố ý gây thương tích một cách kịp thời, nghiêm minh trước pháp luật. Tuy nhiên, thực tiễn quá trình điều tra, truy tố và xét xử loại án này của các cơ quan tiến hành tố tụng quận Long Biên vẫn còn có những khó khăn, hạn chế, bất cập không chỉ xuất phát từ những hạn chế, bất cập trong các quy định của pháp luật hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà còn thể hiện ngay trong quá trình nhận thức và áp dụng pháp luật. Điều này đã dẫn đến định sai tội danh, quyết định hình phạt chưa khách quan và công bằng. Khắc phục tình trạng này, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng quận Long Biên trong việc giải quyết các vụ án nói chung cũng như các vụ phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là một trong những nhiệm vụ quan trọng của các cơ quan bảo vệ pháp luật quận Long Biên trong tình hình hiện nay.

Chính vì vậy, tác giả đã chọn đề tài *“Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn quận Long Biên, thành phố Hà Nội”* để làm luận văn thạc sỹ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

“Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác” theo pháp luật hình sự Việt Nam đã được nhiều nhà khoa học, Luật gia nghiên cứu ở nhiều góc độ khác nhau. Trên các sách, báo chí cũng đã đề cập và có nhiều quan điểm tiếp cận với loại tội này trên nhiều khía cạnh khác nhau.

Tiếp cận từ góc độ nhân quyền thì đây là một trong những quyền cơ bản của công dân, đó là *“Quyền bất khả xâm phạm về thân thể được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm”*, mà *“Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”* là hành vi xâm phạm nghiêm trọng quyền này. Khoản 1 Điều 20 Hiến pháp 2013 quy định *“Mọi người có quyền bất khả xâm*

phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm”

BLHS 1999 đã dành hẳn một chương quy định về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người trong đó có Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Có nhiều tác giả quan tâm tới trách nhiệm hình sự (TNHS) của tội phạm này như Nguyễn Ngọc Hàn, Trần Văn Độ; tác giả Nguyễn Cường lại quan tâm đến lỗi cố ý, vấn đề khách thể trực tiếp của tội phạm; các tác giả Vũ Lập Thành, Nguyễn Văn Sơn, Nguyễn Quốc Hội đã tiến hành nghiên cứu về những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS..., có tác giả lại quan tâm dưới góc độ tội phạm học như công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Hữu Cầu *“Đặc điểm tội phạm học của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác ở Việt Nam hiện nay và giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa”* (Luận án Tiến sĩ Luật học viện cảnh sát nhân dân, Hà Nội 2002). Ngoài ra, các tác giả như TS. Phùng Thế Vắc và TS. Trần Văn Luyện có công trình *“bình luận khoa học BLHS năm 1999”* (phần các tội phạm) do Nxb Chính trị Quốc gia xuất bản trong đó có đề cập đến tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. TS. Phạm Văn Beo với *“Luật hình sự Việt Nam”* phân tích rất rõ các dấu hiệu pháp lý và hình phạt của loại tội này. TS. Đinh Văn Quế có công trình nghiên cứu là cuốn *“Bình luận khoa học BLHS”* (bình luận chuyên sâu) phần các tội phạm tập I, do Nxb thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 2002 đã đề cập đến tội phạm này... Ngoài ra còn rất nhiều bài viết trên các tạp chí chuyên ngành Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, trên rất nhiều số đã đề cập nhiều về loại tội này trên nhiều góc độ, nhiều khía cạnh khác nhau. Có thể kể ra một số bài viết tiêu biểu: Bài viết *“Phân biệt tội "Giết người" với tội "Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác" trong trường hợp dẫn đến chết người”* của tác giả Nguyễn Nông, đăng trên Tạp chí Kiểm sát, Số 21/2005, tr. 25 - 27; Bài viết *“Phân biệt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng”* của tác giả Phạm Mạnh Hùng, đăng trên Tạp chí Kiểm sát, Số 23/2005, tr. 27 - 30; Bài viết *“Vấn đề*

giám định trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác quy định tại điều 104 Bộ luật hình sự” của tác giả Đỗ Thị Thanh, đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân, Số 23/2008, tr. 38 - 39; Bài viết “Một số khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng điều 104 Bộ luật hình sự "Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác" của tác giả Trần Minh Hương, đăng trên Tạp chí Kiểm sát, Số 10/2011, tr. 24 - 29, 40; Bài viết “Một số quy định của pháp luật liên quan đến việc xác định tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo Điều 104 Bộ luật hình sự “ của tác giả Bùi Văn Thịnh, Vũ Bá Xiêm, đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân, Số 18/2014, tr. 29 – 31. Nhìn chung, các công trình, các bài viết đều đã đề cập đến những vấn đề lý luận cơ bản của tội “*Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*” ở các khía cạnh pháp luật Hình sự và Luật tố tụng Hình sự.

Tuy nhiên tính đến nay, chưa có bất kì một công trình nào chuyên nghiên cứu về quá trình áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác của các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích những vấn đề lý luận và quy định của pháp luật hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đối với người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn quận Long Biên, thành phố Hà Nội, những hạn chế, bất cập trong quá trình định tội danh và quyết định hình phạt đối với loại tội phạm này, luận văn hướng đến mục đích đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn quận Long Biên

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, luận văn tập trung thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- Phân tích khái quát lịch sử hình thành; khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác;

- Phân biệt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với một số tội khác.

- Đánh giá thực tiễn định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tại quận Long Biên, thành phố Hà Nội và đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật Hình sự về định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

- Đánh giá thực tiễn quyết định hình phạt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tại quận Long Biên và đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về quyết định hình phạt đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Tác giả luận văn này lấy các quan điểm khoa học, các quy định của pháp luật hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác cũng như thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn quận Long Biên, thành phố Hà Nội để nghiên cứu các vấn đề lí luận và thực tiễn hoạt động áp dụng pháp luật về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn quận Long Biên.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu quy định của pháp luật hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong BLHS 1999, ban hành ngày 21/12/1999 có hiệu lực từ ngày 01/7/2000, sửa đổi bổ sung năm 2009, các số liệu thống kê về thực tiễn xét xử về loại tội này và một số bản án về tội cố ý

gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn quận Long Biên giai đoạn 2011 đến 2015, từ đó đưa ra những giải pháp để hoàn thiện các quy định về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, nâng cao hiệu quả định tội danh và quyết định hình phạt đối với loại tội này. Bên cạnh đó, luận văn cũng có sự so sánh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong BLHS 1999 và trong BLHS 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng về các vấn đề tội phạm và hình phạt, về đấu tranh phòng, chống tội phạm; lý luận về tội phạm học, Luật hình sự và tổ tụng hình sự.

Ngoài ra luận văn còn sử dụng trong một tổng thể các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: Sử dụng kết hợp các phương pháp tổng hợp, điều tra thống kê, phân tích, so sánh, nghiên cứu tài liệu, nghiên cứu bản án, phương pháp suy luận logic, phương pháp quy nạp, diễn dịch... Chương 1, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, phân tích, tổng hợp phương pháp so sánh, đối chiếu, phương pháp bình luận, diễn dịch...; Chương 2, tác giả sử dụng phương pháp phân tích, nghiên cứu tài liệu, nghiên cứu bản án, diễn dịch, suy luận logic...; Chương 3, tác giả sử dụng phương pháp suy luận logic, quy nạp, phân tích bản án...

6. Ý nghĩa lí luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn là công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu một cách toàn diện dưới góc độ pháp luật hình sự tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn quận Long Biên, thành phố Hà Nội vừa có ý nghĩa về mặt lí luận, vừa có ý nghĩa về mặt thực tiễn như sau:

- Về lý luận: Luận văn góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự có liên quan đến tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, đồng thời góp phần hoàn thiện lí luận về định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

- Về thực tiễn: Luận văn hoàn thành sẽ là tài liệu tham khảo quan trọng trong thực tiễn hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng ở quận Long Biên nói riêng và các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung trong quá trình giải quyết các vụ án phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Luận văn sẽ góp phần tích cực trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng của quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Luận văn cũng là tài liệu tham khảo quan trọng dùng trong quá trình học tập và nghiên cứu của các cơ sở đào tạo luật ở nước ta.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Chương 2: Áp dụng pháp luật về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tại quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Chương 3: Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC

1.1. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1.1.1. Khái niệm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Cả BLHS 1985, BLHS 1999 và BLHS 2015 mới đây của nước ta đều không đưa ra định nghĩa về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tuy nhiên trong khoa học pháp lý hình sự đã có nhiều quan điểm định nghĩa về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Chẳng hạn có quan điểm cho rằng: *“Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hành vi cố ý gây tổn hại cho sức khỏe của người khác dưới dạng thương tích hoặc tổn thương khác”*[1; Tr.9]. Có thể thấy, định nghĩa này mới chỉ nhấn mạnh đến hành vi và hậu quả (thuộc mặt khách quan của tội phạm) mà chưa đề cập đến các yếu tố khác trong CTP. Quan điểm khác thì cho rằng: *“Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hành vi của một người cố ý làm cho người khác bị thương hoặc tổn hại đến sức khỏe”*[5; Tr.123] So với định nghĩa trên thì định nghĩa này đã có đề cập đến yếu tố chủ thể nhưng vẫn chưa đề cập toàn diện.

Như vậy có thể thấy, các định nghĩa trên vẫn còn những điểm chưa phù hợp, vì đã không đề cập đến các dấu hiệu năng lực TNHS, độ tuổi chịu TNHS, cũng như tính trái pháp luật của hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Tác giả cho rằng sẽ hợp lý nếu việc xây dựng định nghĩa về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại có cân nhắc đến khái niệm tội phạm đã được nhà làm luật nước ta ghi nhận tại khoản 1 Điều 8 BLHS 1999: *“Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, do người có năng lực TNHS thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn*

lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa”

Trên cơ sở phân tích, đánh giá các định nghĩa khác nhau về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và khái niệm về tội phạm có thể đưa ra định nghĩa về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác như sau: *“Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hành vi của người đạt độ tuổi luật định có năng lực TNHS đã cố ý thực hiện hành vi gây ra thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật xâm phạm quyền được bảo vệ tính mạng, sức khỏe của con người được quy định tại Điều 104 BLHS 1999”*

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thực chất là hai tội được quy định trong cùng một điều luật, tuy nhiên do hành vi và hậu quả của chúng có quan hệ chặt chẽ với nhau cho nên hai loại tội này được các nhà làm luật xếp vào cùng một điều luật – đó là tội cố ý gây thương tích cho người khác và tội cố ý gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Như vậy, có thể hiểu *“tội cố ý gây thương tích”* có dấu hiệu bắt buộc là phải có hậu quả thương tích, là vết thương để lại trên cơ thể con người; tội cố ý gây tổn hại cho sức khỏe của người khác phải có hậu quả xảy ra làm tổn hại các chức năng, bộ phận trên cơ thể của con người (ví dụ: làm rối loạn hệ tuần hoàn, rối loạn tiêu hóa...)[1, Tr.128]

1.1.2. Các dấu hiệu pháp lý của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Việc nghiên cứu các dấu hiệu pháp lý của tội phạm cụ thể đóng vai trò quan trọng, giúp chúng ta phân biệt giữa tội phạm này với tội phạm khác để từ đó có cơ sở pháp lý vững chắc trong việc định tội danh cũng như quyết định hình phạt một cách chính xác đối với một tội phạm cụ thể.

Cũng như bất kì một tội phạm nào, dấu hiệu pháp lý của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được thể hiện qua 4 yếu tố cấu thành tội phạm, đó là khách thể, mặt khách quan, mặt chủ quan và chủ thể của tội phạm.

1.1.2.1. Khách thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Trong khoa học pháp lý cũng như trong thực tiễn các ý kiến đều thống nhất khách thể của tội phạm là những quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ song đã bị hành vi phạm tội hại hoặc đe dọa gây thiệt hại ở một mức nhất định. Trong tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì khách thể của tội này là quyền được tôn trọng và bảo vệ về sức khỏe của con người. Đây là một trong những quyền cơ bản của con người đã được hiến định, Khoản 1 Điều 20 Hiến pháp 2013 quy định “*Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm*”. Khách thể cụ thể, trực tiếp của từng hành vi phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác chính là quyền được bảo vệ sức khỏe của từng con người cụ thể (từng người bị hại) đã bị hành vi phạm tội xâm phạm gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe.

Hành vi phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác đã xâm phạm đến quyền được bảo vệ sức khỏe của con người thông qua sự tác động làm biến đổi tình trạng bình thường của đối tượng tác động. Theo quy định của Điều 104 BLHS 1999 nếu đối tượng tác động là sức khỏe của trẻ em, người già, phụ nữ có thai, người không có khả năng tự vệ thì TNHS đối với người phạm tội sẽ nặng hơn. Việc xác định đúng đối tượng tác động của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là vô cùng quan trọng. Bởi lẽ nếu hành vi tác động vào đối tượng không phải con người, không phải người còn sống thì không xâm phạm quyền được bảo vệ về sức khỏe nên sẽ không phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; hoặc có trường hợp, một cá nhân nào đó tự gây ra thương tích cho chính mình vì một lý do nào đó thì không thuộc đối tượng điều chỉnh của Điều 104 BLHS 1999.[56; Tr.33, 34]

1.1.2.2. Mặt khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Mặt khách quan của tội phạm là mặt bên ngoài của tội phạm, bao gồm những biểu hiện của tội phạm diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan mà con người bằng trực quan sinh động có thể nhận biết. Đó là các dấu hiệu: hành vi nguy hiểm cho xã hội; hậu quả nguy hiểm cho xã hội, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội và hậu quả nguy hiểm cho xã hội; phương tiện, công cụ, thời gian, hoàn cảnh, địa điểm phạm tội.[56; Tr.27,28]

Trong mặt khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, hành vi khách quan là dấu hiệu cơ bản và quan trọng nhất. Các dấu hiệu khác thuộc mặt khách quan như: hậu quả, mối quan hệ nhân quả công cụ phương tiện phạm tội...chỉ có ý nghĩa khi có hành vi khách quan. Hay nói cách khác, không thể truy cứu TNHS đối với người không thực hiện hành vi khách quan. Hành vi khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là những biểu hiện của con người ra bên ngoài thế giới khách quan dưới hình thức cụ thể, có sự kiểm soát của lý trí và điều khiển bởi ý chí. Những hành vi tuy được biểu hiện ra bên ngoài thế giới khách quan nhưng không được ý thức kiểm soát hoặc tuy được ý thức kiểm soát nhưng không được ý chí điều khiển thì cũng không phải là hành vi khách quan của tội phạm. Hành vi khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có thể được thực hiện dưới hình thức hành động hoặc không hành động. Hành động phạm tội là hình thức của hành vi khách quan làm biến đổi tình trạng bình thường đối tượng tác động của tội phạm, xâm phạm làm một việc mà pháp luật cấm. Không hành động phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hình thức của hành vi khách quan làm biến đổi tình trạng bình thường của đối tượng tác động của tội phạm, xâm phạm quyền được bảo vệ về sức khỏe của con người, qua việc chủ thể tội phạm không làm một việc mà pháp luật yêu cầu phải làm, mặc dù có đủ điều kiện để làm.[56; Tr.29, 30]

Hành vi khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là những biểu hiện của con người ra thể giới khách quan có sự kiểm soát của ý thức và điều khiển của ý chí. Đây là điều kiện cần. Điều kiện đủ là hành vi đó phải có khả năng gây ra thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe người khác một cách trái pháp luật. Những hành vi này có khả năng gây ra những thương tích nhất định hoặc làm tổn hại đến sức khỏe của con người. Những hành vi này có thể được thực hiện bằng các công cụ, phương tiện phạm tội như đâm chém, đầu độc..., hoặc không có công cụ, phương tiện phạm tội như đấm, đá hoặc có thể thông qua các loại súc vật như thả chó cắn, bò đá...

Hậu quả do hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác chính là thiệt hại do hành vi khách quan gây ra cho quan hệ nhân thân, cho quyền được bảo vệ về sức khỏe của con người. Thiệt hại này được thể hiện dưới dạng thiệt hại về thể chất, hậu quả gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Việc xác định hậu quả xảy ra trên thực tế, cũng như tính chất, mức độ của hậu quả xảy ra trên thực tế có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định có đủ yếu tố CTP hay không, đảm bảo xét xử đúng người đúng tội và có vai trò quan trọng trong việc quyết định hình phạt.

Về mức độ thương tích phải chịu TNHS: Tỷ lệ thương tích: Là tỷ lệ mất sức lao động vĩnh viễn dựa trên kết quả của giám định pháp y, nhưng trong trường hợp cần thiết có thể dựa trên kết luận của bác sỹ điều trị khi tiếp nhận bệnh nhân. Về thực tiễn, nếu tỷ lệ thương tật dưới 11% không gây cố tật thì được coi là thương tích nhẹ, chưa phải chịu TNHS. Nếu tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên là tỷ lệ cần thiết để truy cứu TNHS. Tuy nhiên, có một số trường hợp tỷ lệ thương tật không đến 11% nhưng lại thuộc một trong các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS 1999 thì hành vi đó vẫn bị truy cứu TNHS. Như vậy, hành vi gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên hoặc dưới 11% nhưng thuộc các trường hợp sau thì cũng phạm tội:

a) Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hiểm cho nhiều người

* Theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC thì: "*Dùng hung khí nguy hiểm*" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 của BLHS là trường hợp dùng vũ khí hoặc phương tiện nguy hiểm theo hướng dẫn tại các tiêu mục 2.1 và 2.2 mục 2 Phần I Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Theo hướng dẫn tại các tiêu mục 2.1 và 2.2 mục 2 Phần I Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP thì:

- "*Vũ khí*" là một trong các loại vũ khí được quy định tại khoản 1 Điều 1 Quy chế quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (ban hành kèm theo Nghị định số 47/CP ngày 12/8/1996 của Chính phủ). Theo đó, vũ khí bao gồm vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao, súng săn và vũ khí thô sơ (như dao găm, kiếm, giáo, mác...)

- "*Phương tiện nguy hiểm*" là công cụ, dụng cụ được chế tạo ra nhằm phục vụ cho cuộc sống của con người (trong sản xuất, trong sinh hoạt) hoặc vật mà người phạm tội chế tạo ra nhằm làm phương tiện thực hiện tội phạm hoặc vật có sẵn trong tự nhiên mà người phạm tội có được và nếu sử dụng công cụ, dụng cụ hoặc vật đó tấn công người khác thì sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng hoặc sức khỏe của người bị tấn công. Cụ thể:

- + Về công cụ, dụng cụ, Ví dụ: búa đinh, dao phay, các loại dao sắc, nhọn...
- + Về vật mà người phạm tội chế tạo ra, Ví dụ: thanh sắt mài nhọn, côn gỗ...
- + Về vật có sẵn trong tự nhiên, Ví dụ: gạch, đá, đoạn gậy cứng, chắc, thanh sắt...

* Dùng thủ đoạn gây nguy hiểm cho nhiều người là thủ đoạn có khả năng gây ra thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người, ví dụ như: đổ xăng đốt nhà vào thời điểm các thành viên trong gia đình người bị hại đang ở nhà làm nhiều người bị bỏng nặng hoặc trường hợp người phạm tội sử dụng thuốc ngủ, thuốc mê với liều lượng có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của nhiều người, thủ đoạn dùng hóa chất đổ vào giếng để đầu độc nạn nhân gây tổn hại sức khỏe cho nhiều người...

b) Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân

Theo điểm 1 khoản 1 Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của HĐTP TANDTC thì: “*Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân*” là hậu quả của hành vi CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân gây nên trạng thái bất thường không thể chữa được cho một bộ phận cơ thể của nạn nhân với tỷ lệ thương tật dưới 11% khi thuộc một trong các trường hợp: làm mất một bộ phận cơ thể nạn nhân, làm mất chức năng một bộ phận cơ thể của nạn nhân; làm giảm chức năng hoạt động của một bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc làm ảnh hưởng đến thẩm mỹ của nạn nhân.

c) Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người:

Theo hướng dẫn tại điểm 3.2 của Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC thì “*Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 104 của BLHS được hiểu là trường hợp cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của một người từ hai lần trở lên hoặc của hai người trở lên (có thể một lần, có thể nhiều lần đối với mỗi người) và trong các lần đó chưa có lần nào bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu xử lý hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự

d) Phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ đang có thai, người già yếu ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự bảo vệ

Trẻ em theo quy định của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là người dưới 16 tuổi. Quy định này đảm bảo thực hiện các quy định của Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em ngày 20/11/1989 mà Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã phê chuẩn ngày 20/2/1990.

Phạm tội đối với phụ nữ đang có thai là trường hợp cố ý gây ra những thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người phụ nữ đang mang thai. Việc xác định nạn nhân là phụ nữ có thai hay không, căn cứ vào những chứng cứ chứng minh là người phụ nữ đó đang mang thai như: bị can, bị cáo và mọi người đều nhìn thấy được hoặc bị cáo nghe được, biết được từ các nguồn thông tin khác nhau về người

phụ nữ đó đang mang thai. Việc xác định là có thai hay không, phải có kết luận của cơ quan chuyên môn y tế hoặc kết luận giám định.

Phạm tội đối với người già yếu là hành vi cố ý gây ra những thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người từ 60 tuổi trở lên, sinh hoạt, đi lại khó khăn... Phạm tội đối với người ốm đau là hành vi cố ý gây ra những thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người đang bị bệnh tật có thể đang điều trị ở bệnh viện ở cơ sở y tế tư nhân hoặc ở tại nhà riêng của họ; Phạm tội đối với người không có khả năng tự vệ là hành vi cố ý gây ra những thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người bị khiếm khuyết về thể chất như người bị khuyết tật bẩm sinh hoặc tàn tật do tai nạn như bị tâm thần, bại liệt, mù lòa, liệt tay chân... làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc điều khiển hành vi của mình. Những người không có khả năng tự vệ luôn luôn ở trong tình trạng không thể tự vệ được khi bị người khác thực hiện hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe của mình [63, Tr. 84].

đ) Phạm tội đối với ông bà, cha mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình

Ông, bà gồm ông, bà nội, ông, bà ngoại; cha, mẹ là người đã sinh ra người phạm tội; cha, mẹ nuôi là người đã nhận người phạm tội làm con nuôi được pháp luật thừa nhận. Người nuôi dưỡng là người chăm sóc, giáo dục, quản lý như vai trò của bố mẹ đẻ.

Về tình tiết "*Phạm tội đối với thầy giáo, cô giáo của mình*" đã được hướng dẫn tại tiết a điểm 3.3. Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC như sau:

Chỉ áp dụng tình tiết "*đối với thầy giáo, cô giáo của mình*" quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 104 của BLHS để xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 104 của BLHS khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

a.1) Nạn nhân phải là thầy giáo, cô giáo tức là người đã hoặc đang làm công tác giảng dạy theo biên chế hoặc theo hợp đồng tại cơ quan, tổ chức có chức năng giáo dục, đào tạo, dạy nghề được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

a.2) Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân là vì lý do thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, dạy nghề của họ đối với bị cáo, không phân biệt nhiệm vụ đó đã được thực hiện hay đang được thực hiện và không kể thời gian dài hay ngắn;

a.3) Tỷ lệ thương tật của nạn nhân dưới 11%

e) Phạm tội có tổ chức

Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Sự cấu kết chặt chẽ giữa những người thực hiện tội phạm thể hiện mức độ liên kết, mức độ phân hóa vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng người.

g) Phạm tội trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục

Người bị tạm giữ là người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang người bị bắt theo quyết định truy nã hoặc người phạm tội tự thú, đầu thú và đối với họ đã có quyết định tạm giữ.

Người bị tạm giam là bị can, bị cáo, bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp tạm giam.

Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội là biện pháp do Tòa án quyết định, áp dụng đối với người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội, nếu thấy không cần thiết áp dụng hình phạt với họ, nhưng do tính chất của hành vi phạm tội, do nhân thân và môi trường sống của người đó mà cần đưa người đó vào trường giáo dưỡng. Như vậy, có thể thấy những người bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục là những người đang bị áp dụng biện pháp đặc biệt để quản lý họ, tuy nhiên họ vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Đây chính là lý do để tăng nặng TNHS đối với những người này.

h) Thuê gây thương tích hoặc gây thương tích thuê:

Gây thương tích thuê là trường hợp người phạm tội vì lợi ích vật chất thấp hèn, mặc dù có thể không mâu thuẫn, thù hằn gì với nạn nhân, mà vẫn thực hiện hành vi CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Hành vi này thể hiện nhu cầu vật chất thấp hèn, thể hiện sự suy đồi về nhân cách, đạo đức đáng bị xã hội lên án.

i) Có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm

Phạm tội có tính chất côn đồ là trường hợp thực hiện tội phạm có tính hung hãn cao độ, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, gây thương tích không có nguyên do hoặc phạm tội vì lý do nhỏ nhen; đâm, đánh người dã man...[2]

Dựa trên quy định của Điều 49 BLHS 1999 có thể hiểu tái phạm nguy hiểm là trường hợp người phạm tội đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý gây, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng do CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, hoặc người này đã phạm tội theo quy định từ khoản 2 Điều 104 BLHS 1999 trở lên (là tội nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng) chưa được xóa án tích mà lại phạm tội thuộc khoản 3, khoản 4 BLHS 1999 hoặc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội này.

k) Để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân

Công vụ thường được hiểu là những công việc vì lợi ích chung mà việc thực hiện những công việc này đòi hỏi người thi hành phải có những quyền hành nhất định đối với những người khác [56; Tr.22] Ví dụ những công việc như giữ gìn trật tự công cộng, giữ gìn an toàn giao thông, soát vé ở ga tàu, sân bay... Người thi hành công vụ là những người được giao thực hiện công việc vì lợi ích chung do cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức xã hội giao cho một cách thường xuyên hoặc tạm thời có hưởng lương hoặc không hưởng lương hoặc không hưởng lương, họ có quyền hạn nhất định khi thực hiện công vụ đó. Ví dụ: công an, quản lý thị trường, thanh tra giao thông...

CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác để cản trở người thi hành công vụ là trường hợp người phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe

của người đang thi hành công vụ để cản trở người đó thi hành các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội giao cho vì lợi ích chung của nhà nước, xã hội như: gây thương tích cho cán bộ thuế đang thu thuế làm cho họ không thu được thuế.v.v. Nếu người phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người đang thi hành công vụ nhưng vì động cơ khác không phải để cản trở người thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ được giao thì tùy từng trường hợp mà người phạm tội bị truy cứu TNHS các tội danh khác nhau.

1.1.2.3. Chủ thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Chủ thể của tội phạm theo luật hình sự Việt Nam hiện hành chỉ có thể là con người cụ thể. BLHS 2015 đã quy định pháp nhân thương mại có thể là chủ thể của tội phạm. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 76 BLHS 2015 thì pháp nhân thương mại không thể là chủ thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (quy định tại Điều 134 BLHS 2015)

Chủ thể của tội phạm là người có năng lực TNHS đạt độ tuổi nhất định và đã thực hiện hành vi phạm tội cụ thể. Khi thực hiện hành vi phạm tội chủ thể có khả năng nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội về hành vi của mình và có khả năng điều khiển được hành vi ấy. Theo Điều 12 BLHS năm 1999 thì: *“Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm”*. *“Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.”*

Điều 13 BLHS 1999 quy định tình trạng không có năng lực TNHS tại khoản 1 quy định: *“Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc các bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì không phải chịu TNHS. Đối với những người này phải áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh...”*

Như vậy theo quy định của BLHS 1999 thì chủ thể của tội *“Cố ý gây thương tích”* là một người có đủ năng lực chịu TNHS và phải đạt độ tuổi nhất định mà xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật. Những người từ đủ 14

tuổi đến dưới 16 tuổi không phải chịu TNHS theo các khoản 1 và 2 của Điều 104 BLHS 1999 mà những người này chỉ phải chịu TNHS theo các khoản 3 và 4 của Điều 104 BLHS 1999. Những người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi khoản của Điều 104 BLHS 1999.

BLHS 2015 đã có quy định mới về tuổi chịu TNHS, theo đó người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu TNHS về một số tội phạm mà không phân biệt đó là loại tội gì, trong đó có tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Như vậy, so với BLHS 1999 thì phạm vi chịu TNHS của người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo quy định của BLHS 2015 rộng hơn nhiều.

Về cách tính tuổi chịu TNHS theo quy định của BLHS thì độ tuổi ở đây là tuổi tròn “*đủ 14 tuổi*” hoặc “*đủ 16 tuổi*”. Trong thực tiễn cũng như trong lý luận việc xác định độ tuổi không phải bao giờ cũng dễ dàng, thông thường việc xác định độ tuổi căn cứ theo “*Giấy đăng ký khai sinh*”. Tuy nhiên không phải trong mọi trường hợp đều còn Giấy khai sinh, hoặc giấy khai sinh không chính xác... Để khắc phục vướng mắc trên TANDTC có hướng dẫn tại mục 11 phần II Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/06/2002 về “*cách xác định ngày, tháng sinh của bị can, bị cáo chưa thành niên*”:

a- Nếu xác định được tháng cụ thể, nhưng không xác định được ngày nào trong tháng đó thì lấy ngày cuối cùng của tháng đó làm ngày sinh của bị can, bị cáo để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo;

b- Nếu xác định được quý cụ thể của năm, nhưng không xác định được ngày, tháng nào trong quý đó thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng của quý đó làm ngày sinh của bị can, bị cáo để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo;

c- Nếu xác định được cụ thể nửa đầu năm hay nửa cuối năm, nhưng không xác định được ngày, tháng nào trong nửa đầu năm hay nửa cuối năm thì lấy ngày 30 tháng 6 hoặc ngày 31 tháng 12 tương ứng của năm đó làm ngày sinh của bị can, bị cáo để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo;

d- Nếu không xác định được nửa năm nào, quý nào, tháng nào trong năm thì lấy ngày 31 tháng 12 của năm đó làm ngày sinh của bị can, bị cáo để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo”

Tác giả cho rằng quy định này là phù hợp và khoa học đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người bị can bị cáo.

1.1.2.4. Mặt chủ quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác:

Tội phạm là một thể thống nhất của hai mặt khách quan và chủ quan. Mặt khách quan là những biểu hiện bên ngoài của tội phạm, mặt chủ quan là hoạt động tâm lý bên trong của người phạm tội. [56; Tr 152]

Mặt chủ quan của tội CYGTT bao gồm: Lỗi, động cơ và mục đích phạm tội.

Trong khoa học Luật hình sự, có nhiều cách định nghĩa khác nhau về lỗi. Theo GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa thì “*Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là có lỗi nếu khi thực hiện nhận thức được hoặc có đủ điều kiện để nhận thức được tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi và có đủ điều kiện lựa chọn, thực hiện hành vi khác phù hợp với đòi hỏi của xã hội*” [8; tr.91, 92]

Người phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác chỉ bị coi là có lỗi nếu hành vi đó là kết quả của sự tự lựa chọn của chính họ, họ tự ý thức và kiểm soát hành vi của mình, trong khi họ có đủ điều kiện khách quan và chủ quan để lựa chọn và thực hiện xử sự khác phù hợp với đòi hỏi của xã hội (tức là có đủ điều kiện lựa chọn xử sự không thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác). Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác luôn được thực hiện với lỗi cố ý, có thể là cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp.

Muốn xác định đúng lỗi của người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân là cố ý hay vô ý, thì cần làm sáng tỏ hai vấn đề:

1) Người phạm tội có thấy trước hậu quả nguy hiểm do hành vi của mình gây ra không;

2) Nếu thấy trước thì họ có mong muốn hay có ý thức chấp nhận hậu quả này không.

Chỉ khi một người thỏa mãn đầy đủ cả hai điều kiện trên thì xác định họ là người có lỗi.

Để xác định người phạm tội có thấy trước hậu quả nguy hiểm cho xã hội hay không phải xuất phát từ năng lực nhận thức của họ, cũng như những điều kiện, hoàn cảnh khách quan, những dấu hiệu thuộc mặt khách quan như: Tính chất công cụ phạm tội, phương tiện cũng như cách thức sử dụng; tình trạng sức khỏe cũng như khả năng chống đỡ của nạn nhân...

Để xác định người phạm tội có mong muốn, hay chấp nhận hậu quả gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hay không cần xem xét đánh giá những tình tiết như: sự lựa chọn công cụ, phương tiện phạm tội, cách thức sử dụng; diễn biến tâm lý của người phạm tội trong quá trình thực hiện tội phạm; tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội; động cơ, mục đích phạm tội; vị trí tác động... Trong trường hợp mong muốn hậu quả gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác, người phạm tội thường sử dụng các công cụ phạm tội mang tính chất “*sát thương*” cao như dao, kiếm, mã tấu, côn... Bên cạnh đó người phạm tội còn lựa chọn vị trí tác động, cách thức sử dụng công cụ, phương tiện có khả năng gây ra thương tích hoặc tổn hại sức khỏe lớn cho đối tượng tác động.

Ngược lại, nếu chỉ có ý thức chấp nhận hậu quả gây thương tích hoặc tổn hại cho người khác, người phạm tội không quan tâm đến công cụ, phương tiện, phương pháp phạm tội, vị trí tác động đến nạn nhân có nguy hiểm, có khả năng gây thương tích hay tổn hại sức khỏe hay không, mà chỉ quan tâm đến việc đạt được mục đích của mình. Cho nên người phạm tội trong trường hợp này có thể dùng bất cứ công cụ, phương tiện, phương pháp phạm tội nào, không phụ thuộc vào tính chất nguy hiểm của nó, đồng thời chấp nhận mọi cách thức sử dụng công cụ phương tiện phạm tội.

Ngoài dấu hiệu lỗi, trong mặt chủ quan của tội “*cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*” động cơ, mục đích phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc trong CTTP cơ bản. Tuy nhiên, ở một số CTTP tăng nặng mà mặt chủ quan có quy định dấu hiệu động cơ và mục đích phạm tội là dấu hiệu bắt

buộc thì việc xác định đúng động cơ, mục đích phạm tội sẽ giúp cho việc xác định đúng tội danh và phân biệt tội CYGTT hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác với một số tội khác.

Động cơ phạm tội được hiểu là động lực bên trong thúc đẩy người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Quy định ở điểm h khoản 1 Điều 104 BLHS 1999 “*gây thương tích thuê*” là một ví dụ. Người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trường hợp này xuất phát từ động cơ vụ lợi.

Mục đích phạm tội là kết quả trong ý thức chủ quan mà người phạm tội đặt ra để đạt được khi họ thực hiện hành vi phạm tội. Trường hợp quy định ở điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS 1999 “*Để cản trở người thi hành công vụ*” là một trường hợp mà người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có mục đích là để cản trở người thi hành công vụ thực thi công vụ của mình.

1.2. Phân biệt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với một số tội phạm khác

1.2.1. Phân biệt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trường hợp dẫn đến chết người (khoản 3 Điều 104 BLHS 1999) với tội giết người (Điều 93 BLHS 1999)

Trong quá trình điều tra, truy tố và cả ở giai đoạn xét xử, việc phân biệt hai tội này còn gặp nhiều khó khăn, số lượng án bị hủy, sửa phần lớn do có sự nhầm lẫn trong việc xác định ranh giới của hai loại tội này.

Ví dụ: Do mâu thuẫn trong làm ăn, ngày 23/8/2008 Lâm nhờ một người bạn lái xe máy chở đến cửa hàng cầm đồ của anh Nam tại đường Ngô Gia Khảm và ngồi đợi ở đầu đường để quan sát. Đến khoảng 9 giờ tối, khi anh Nam đang dọn dẹp để đóng cửa hàng ra về thì Lâm xông vào dùng dao bấm đâm 02 nhát vào lưng anh Nam khiến anh Nam gục xuống đất. Khi thấy anh Nam quay lại Lâm liền đâm thêm 01 nhát vào bụng sau đó bỏ về. Người đi đường qua thấy anh Nam nằm gục dưới đất liền vào giúp đưa đi cấp cứu. Tuy nhiên anh Nam đã không qua khỏi và chết do mất nhiều máu và vết đâm quá hiểm. Anh Nam bị thương với tỷ lệ thương tật 72%.

VKSND quận Long Biên đã truy tố bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 3 Điều 104 BLHS. Tuy nhiên, tại phiên tòa, HĐXX đã đề nghị VKSND quận Long Biên truy tố bị cáo về tội “*Giết người*” [38a]. Như vậy, ranh giới giữa hai tội này hiện đang còn nhiều tranh cãi trong việc định tội danh. Theo BLHS hiện hành thì tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại đến sức khỏe của người khác, còn tội giết người là hành vi cố ý tước đoạt trái pháp luật tính mạng của con người. Việc phân biệt hai tội này dựa trên bốn yếu tố cấu thành tội phạm, đó là: Khách thể, mặt khách quan, mặt chủ quan và chủ thể.

** Khách thể của tội phạm*

Khách thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe của người khác, còn khách thể của tội giết người là quyền bất khả xâm phạm về tính mạng của con người.

**Mặt khách quan của tội phạm:*

Hành vi khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hành vi cố ý tác động trái pháp luật lên cơ thể người khác, làm cho người đó bị thương tích hoặc bị tổn hại đến sức khỏe. Thương tích gây ra cho người khác trong trường hợp này đã dẫn đến hậu quả chết người. Tuy nhiên hậu quả chết người ở đây không phải là kết quả trực tiếp, tất yếu của hành vi phạm tội, không nằm trong ý chí của người phạm tội mong muốn hoặc để mặc cho hậu quả đó xảy ra. Người phạm tội chỉ mong muốn hoặc để mặc cho thương tích xảy ra.

Hành vi khách quan của tội giết người là hành vi tước đoạt trái pháp luật tính mạng của người khác. Tước đoạt trái pháp luật tính mạng của người khác được hiểu là hành vi tác động trái pháp luật đến thân thể người khác và hành vi đó chứa đựng khả năng thực tế gây ra cái chết cho người khác. Hành vi khách quan phải là nguyên nhân gây ra hậu quả người bị hại tử vong.

Như vậy, hành vi khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và tội giết người đều có biểu hiện tương tự nhau, đó là dùng sức mạnh vật chất để tác động trái pháp luật vào thân thể người khác. Cả hai

trường hợp trên, biểu hiện thực tế của hành vi khách quan có những điểm tương tự nhau như: đâm, chém, đánh, đấm... tác động trái pháp luật vào cơ thể người khác. Hai trường hợp này chủ yếu khác nhau về mặt chủ quan.

** Mặt chủ quan của tội phạm*

Về mặt lỗi thì cả hai tội này đều được thực hiện với lỗi cố ý.

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được thực hiện với lỗi cố ý (trực tiếp hoặc gián tiếp). Nghĩa là người phạm tội khi thực hiện hành vi đã nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước được hậu quả do hành vi mình thực hiện nhất định hoặc có thể gây ra thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác, nhưng mong muốn hoặc để mặc cho hậu quả nạn nhân bị thương tích, bị tổn hại cho sức khỏe gây ra. Trong trường hợp dẫn đến chết người thì người phạm tội không mong muốn và tin rằng hậu quả chết người sẽ không xảy ra.

Đối với tội giết người: Tội này được thực hiện với lỗi cố ý (trực tiếp hoặc gián tiếp). Trường hợp giết người do lỗi cố ý trực tiếp, người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là gây nguy hiểm cho xã hội, thấy trước được hậu quả chết người có thể hoặc tất yếu xảy ra và mong muốn cho hậu quả chết người xảy ra. Trong trường hợp trên do hậu quả chết người chưa xảy ra vì nguyên nhân khách quan thì vẫn định tội danh là giết người chưa đạt. Trong trường hợp giết người do lỗi cố ý gián tiếp, người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước được hậu quả chết người có thể xảy ra, tuy không mong muốn cho hậu quả chết người xảy ra nhưng để mặc hậu quả xảy ra. Trong trường hợp này phải căn cứ vào hậu quả thực tế đã xảy ra để định tội danh. Nếu gây ra hậu quả chết người thì định tội danh về tội giết người. Nếu chỉ gây ra thương tích thì định tội danh về tội cố ý gây thương tích khi thỏa mãn các điều kiện khác theo quy định của BLHS.

Như đã phân tích ở trên, chúng ta có thể thấy rằng về mặt chủ quan, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà xảy ra hậu quả chết người thì người phạm tội đã thực hiện hành vi cố ý gây thương tích với lỗi cố ý, nhưng lại vô ý với hậu quả chết người, họ không mong muốn xảy ra vì tin rằng

hậu quả chết người sẽ không xảy ra. Nhưng đối với tội giết người, người phạm tội đã cố ý thực hiện hành vi giết người và cố ý để hậu quả chết người xảy ra, mong muốn hậu quả chết người xảy ra, hoặc tuy không mong muốn nhưng vẫn để mặc hậu quả xảy ra.

** Chủ thể của tội phạm:*

Chủ thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo quy định của BLHS 1999 là người có năng lực TNHS, đủ 16 tuổi trở lên, riêng người đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ chịu TNHS nếu thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 104 BLHS. Đối với tội giết người, chủ thể là người có năng lực TNHS, đủ 14 tuổi trở lên thì phải chịu trách nhiệm hình sự do thực hiện hành vi phạm tội. Theo quy định của BLHS 2015 thì không còn sự khác nhau về độ tuổi chịu TNHS của hai loại tội này.

Hiện nay trên thực tiễn, các Cơ quan tiến hành tố tụng gặp phải rất nhiều khó khăn để xác định tội danh đối với trường hợp người thực hiện hành vi phạm tội mà ý chí chủ quan là không mong muốn cho hậu quả chết người xảy ra hoặc để mặc cho hậu quả chết người xảy ra, tức là người phạm tội với lỗi cố ý gián tiếp. Đối với hành vi được gây ra với lỗi cố ý gián tiếp, nguyên tắc thông thường được áp dụng để xác định tội danh đó là hậu quả đến đâu thì xử lý đến đó. Tuy nhiên, việc áp dụng nguyên tắc trên một cách cứng nhắc sẽ dẫn đến việc xác định sai tội danh, dễ bỏ lọt tội phạm hoặc tăng nặng TNHS đối với người phạm tội. Mặc dù cấu thành của tội giết người là cấu thành vật chất, nhưng không phải lúc nào hậu quả chết người xảy ra mới xử lý về tội giết người, mà còn xem xét đến hành vi phạm tội (phạm tội chưa đạt) và hành vi khách quan đã đủ các yếu tố cấu thành của tội giết người nhưng hậu quả chết người chưa xảy ra. Thực tiễn áp dụng pháp luật hiện nay, có thể thấy rằng cùng một hành vi nhưng nơi này xử lý về tội giết người, nơi khác lại xử lý về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác bởi ranh giới giữa chúng rất mong manh. Theo quan điểm của tác giả, thì người phạm tội cố ý đối với hành vi gây thương tích và cố ý đối với hậu quả chết người (mong muốn hoặc để mặc cho nạn nhân chết) thì xử lý về tội giết người dù nạn

nhân có chết hay không. Mặt khác quan giữa hai tội này có những dấu hiệu giống nhau, nhưng khách thể của tội giết người là xâm hại tới quyền được sống, còn khách thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác xâm hại đến sức khỏe. Hành vi khách quan của tội giết người là biểu hiện ra bên ngoài có sự điều khiển của ý chí và hành vi đó có khả năng làm chết người khác. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì cũng có dấu hiệu trên nhưng nằm ngoài ý chí của người thực hiện hành vi.

Với những phân tích ở trên, tác giả cho rằng trong vụ án nói trên, hành vi của bị cáo đã thỏa mãn 4 dấu hiệu của tội giết người. Bị cáo Lâm phải bị truy tố và xét xử về tội danh “*Giết người*” là phù hợp.

1.2.2. Phân biệt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác quy định tại Điều 104 BLHS 1999 và tội chống người thi hành công vụ tại Điều 257 BLHS 1999

Ở một góc độ nào đó, cả hai tội phạm này đều xâm phạm đến sức khỏe của người khác. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay, vẫn có sự nhầm lẫn giữa việc định tội danh hai tội này. Như đã được phân tích rõ ràng trong phần phân biệt ở mục 1.2.1 đối với phần phân biệt giữa hai loại tội này, tác giả chỉ đi sâu làm rõ những điểm khác biệt chủ yếu giữa hai tội như sau:

* *Khách thể*: Như đã phân tích ở trên, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe của người khác. Còn khách thể của tội chống người thi hành công vụ là xâm phạm đến hoạt động quản lý xã hội chung và hoạt động quản lý hành chính nói riêng của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức được thực hiện thông qua hoạt động của các nhân viên của các cơ quan, tổ chức đó.

Đối tượng tác động của tội phạm này là người đang thi hành công vụ. Thông qua việc xâm phạm đến người thi hành công vụ mà xâm phạm đến việc thực hiện nhiệm vụ công.

* *Mặt khách quan của tội phạm:* Mặt khách quan của tội chống người thi hành công vụ nhìn chung là tương tự tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Hành vi của người phạm tội phải thỏa mãn 1 trong 3 hành vi khách quan sau:

+ *Hành vi dùng vũ lực* là hành vi (hành động) dùng sức mạnh vật chất tấn công, hành hung cản trở người thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật như: đấm, đá, dùng cây đánh, dùng đất, đá ném,... nhằm làm cho người thi hành công vụ bị đau đớn để không thực hiện được nhiệm vụ của mình. Hành vi dùng vũ lực này không gây ra hậu quả cho người bị hại thì mới thỏa mãn cấu thành tội chống người thi hành công vụ. Nếu gây ra hậu quả về thương tích hoặc gây chết người thì người phạm tội phải bị xử lý về một tội phạm tương ứng là tội cố ý gây thương tích hoặc tội giết người.

+ *Hành vi đe dọa dùng vũ lực*, đó là hành vi uy hiếp tinh thần người thi hành công vụ làm cho họ sợ mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao, nhằm cản trở người thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật.

+ *Hành vi dùng thủ đoạn khác* (như lãng mạ, bôi nhọ hoặc vu khống...) nhằm cản trở người thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật.

Hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm này, chỉ cần người phạm tội thực hiện một trong các hành vi khách quan nêu trên là tội phạm đã hoàn thành.

* *Về chủ thể của tội phạm:* Chủ thể của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác đã được phân tích ở mục 1.2.1. Đối với Tội chống người thi hành công vụ, người phạm tội phải đủ 16 tuổi trở lên mới phải chịu trách nhiệm hình sự về tội này.

* *Mặt chủ quan của tội phạm:*

Hai tội phạm này đều được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

Như vậy, sau khi phân tích, chúng ta đã thấy rõ được sự khác biệt của hai loại tội này. Điểm khác biệt của hai loại tội này chủ yếu là tập trung vào khách thể bị xâm phạm, đối tượng tác động, hành vi phạm tội gây ra hay không gây ra hậu quả. Thông qua việc xác định các dấu hiệu nêu trên, chúng ta có thể phân biệt dễ dàng hai loại tội phạm này để có thể định tội danh được đúng tội.

1.3. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác trong sự so sánh với Bộ luật hình sự 2015

BLHS 2015 được Quốc hội khóa 13 thông qua tại kỳ họp thứ 10 tháng 11/2015 và nhẽ ra đã có hiệu lực thi hành từ ngày 01/1/2017 thay thế cho BLHS 1999, tuy nhiên do một số lỗi kỹ thuật nên thời điểm thi hành được hoãn lại. Trong BLHS năm 2015 thì tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác được quy định tại Điều 134

So với quy định tại Điều 104 BLHS 1999 thì quy định tại Điều 134 BLHS năm 2015 đã rõ ràng cụ thể hơn nhiều. Theo quy định của Điều 104 BLHS năm 1999, tội này chỉ gồm 4 khoản với định mức tỷ lệ thương tật được chia ra làm bốn mức là dưới 11%, từ 11% đến 30%, từ 31% đến 60%, trên 61% nhưng trong Điều 134 BLHS 2015 tuy vẫn giữ nguyên việc chia định mức tỉ lệ thương tật nhưng tội này đã được chia ra làm 7 khoản với một số điểm mới sửa đổi và bổ sung để hoàn thiện hơn những quy định về tội này.

Khoản 1 Điều 134 BLHS 2015 so với khoản 1 Điều 104 BLHS 1999 đã quy định thêm hai điểm mới sau:

“b, Dùng a-xít sunfuric (H₂SO₄) hoặc hóa chất nguy hiểm khác gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác;

i, Lợi dụng chức vụ, quyền hạn”

Ngoài ra trong khoản này, đã đổi từ “Nhiều” thành cụm từ “từ hai trở lên”, thay cụm từ “trẻ em” thành “Người dưới 16 tuổi”. Đây là bước tiến rõ rệt trong quy định của pháp luật nhằm làm rõ những định nghĩa mà trước nay vẫn còn chung chung: Về khoản 2, khoản 3 Điều 104 BLHS 1999, đã được chia thành 4 khoản riêng biệt trong điều luật mới. Theo đó, mức khung hình phạt cũng được quy định

rạch ròi không gộp chung như trước. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan tố tụng như Tòa án, Viện kiểm sát có thể dễ dàng hơn trong việc định tội áp dụng mức hình phạt đối với người phạm tội. Thêm vào đó, quy định này cũng đã phân chia giới hạn giữa tỷ lệ thương tật với các tình tiết tăng nặng trong cấu thành tội phạm, không còn sự thiếu rõ ràng như quy định cũ, rằng dù tỷ lệ thương tật thấp nhưng nếu có tình tiết tăng nặng thì vẫn quy đồng với mức tỷ lệ thương tật cao hơn.

Khoản 6 Điều 134 BLHS 2015 đã cụ thể hóa khoản 4 Điều 104 BLHS 1999. Theo đó, tình tiết định tính như “*chết nhiều người*”, “*đặc biệt nghiêm trọng khác*” đã được quy định rõ thành từng điểm rõ ràng:

“a) Làm chết 02 người trở lên;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;

c) Gây thương tích vào vùng mặt của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.”

Điều 134 BLHS 2015 có thêm quy định về trường hợp gây thương tích vào vùng mặt của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Đây là một điểm mới trong BLHS 2015 về tội này. Bởi vì đối với một người việc bị thương tích tại vùng mặt sẽ để lại di chứng về mặt tinh thần, khiến họ mặc cảm không hòa nhập với cộng đồng xã hội, cũng như để cho họ phải bị mang tiếng là đã làm điều gì đó không đúng nên mới phải bị gánh chịu hậu quả như vậy. Việc gây thương tích tại vùng mặt không chỉ xâm phạm đến thân thể mà còn xâm phạm đến mặt tinh thần.

Thêm vào đó, Điều 134 BLHS 2015 còn quy định thêm một khoản mới về chuẩn bị phạm tội. Theo đó người chuẩn bị phạm tội này sẽ bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

Trách nhiệm hình sự của người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi đối với tội quy định tại Điều 104 BLHS 1999 và Điều 134 BLHS 2015 cũng khác nhau. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu TNHS ở các khoản 3 và 4 của Điều 104 BLHS 1999 trong khi họ phải chịu TNHS ở tất cả các khoản của Điều 134 BLHS 2015.

Ngoài ra, về vấn đề khởi tố vụ án hình sự đối với tội này của người bị hại thì tại khoản 1 Điều 105 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 (BLTTHS) quy định:

“Những vụ án về các tội phạm được quy định tại khoản 1 các điều 104, 105, 106, 108, 109, 111, 113, 121, 122, 131 và 171 của BLHS chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại hoặc của người đại diện hợp pháp của người bị hại là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất.”

Còn tại khoản 1 Điều 155 BLTTHS 2015 thì quy định:

“1. Chỉ được khởi tố vụ án hình sự về tội phạm quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và 226 của BLHS khi có yêu cầu của bị hại hoặc người đại diện của bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết.”

Như vậy tại khoản 1 Điều 155 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 đã có quy định rõ ràng hơn so với khoản 1 Điều 105 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Theo đó, tại Điều 155 BLTTHS 2015, “Người chưa thành niên” theo như Điều 105 BLTTHS 2003 đã được đổi thành “Người dưới 18 tuổi”. Điều 155 BLTTHS 2015 cũng có thêm quy định người đại diện của bị hại đã chết được quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Quy định này của BLTTHS 2015 đã hoàn thiện hơn, giúp cho việc bảo vệ bí mật đời tư và danh dự của người bị hại, đều là các tội ít nghiêm trọng nên có thể giải quyết bằng con đường hành chính, dân sự, giảm bớt việc giải quyết bằng việc truy cứu trách nhiệm hình sự. Quy định về quyền nêu trên cho người bị hại có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đã dành cho người bị hại quyền quyết định việc có yêu cầu xử lý hành vi phạm tội của người phạm tội hay không sau khi cân nhắc quyền lợi của mình giữa việc xử lý hành vi phạm tội với việc không xử lý hành vi phạm tội bằng vụ án hình sự. Với quy định này, lợi ích của người bị hại đã được ưu tiên trước lợi ích của xã hội khi xem xét xử lý hành vi phạm tội.

Hiện nay, có những hành vi phạm tội có dấu hiệu cấu thành tội phạm khoản 2 tội này nhưng người bị hại lại không đồng ý giám định thương tích nên đã gây khó khăn cho công tác đấu tranh chống tội phạm. Sau khi làm rõ và bắt giữ đối tượng về hành vi cố ý gây thương tích, gây tổn hại sức khỏe cho người khác, không

phải vụ án nào cũng xử lý nghiêm được đối tượng gây án vì nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có nguyên nhân là người bị hại từ chối giám định hay giám định lại thương tích. Không có kết quả giám định hoặc giám định lại thương tích của người bị hại thì việc truy tố đối tượng gây án sẽ rất khó khăn, ảnh hưởng đến hiệu quả đấu tranh chống tội phạm.

Việc người bị hại từ chối giám định hoặc giám định lại thương tích có nhiều nguyên nhân. Có trường hợp do giữa người bị hại và đối tượng gây án có mối quan hệ gia đình, họ hàng (anh em ruột, vợ chồng...) hoặc mối quan hệ hàng xóm láng giềng, nên người bị hại đã từ chối giám định thương tích. Có vụ cố ý gây thương tích gây hậu quả nghiêm trọng liên quan đến ổ nhóm mang tính chất xã hội đen, đâm thuê, chém mướn, ... nhưng do người gây án và người bị hại đã ngầm thỏa thuận, tự hòa giải bồi thường hoặc người bị hại, người thân của họ bị đối tượng gây án đe dọa, mua chuộc..., họ lo sợ cho tính mạng của bản thân và gia đình nên đã không hợp tác với cơ quan điều tra mà tự thỏa thuận bồi thường. Đồng thời, người bị hại viết đơn từ chối giám định thương tích hoặc kéo dài thời gian đi giám định thương tích để thoái thác, gây khó khăn cho việc xử lý của cơ quan điều tra. Tuy nhiên hiện tại trong Bộ luật TTHS 2015 tại khoản 2 Điều 127 đã có quy định việc dẫn giải có thể áp dụng đối với người bị hại trong trường hợp họ từ chối việc giám định theo quyết định trưng cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan. Quy định mới này sẽ giúp cho việc tiến hành tố tụng của CQĐT, VKSND được dễ dàng hơn.

Có thể khẳng định BLHS, Bộ luật TTHS lần này đã sửa đổi, bổ sung một cách toàn diện về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại đến sức khỏe người khác trong hình sự, giúp cho việc thực thi pháp luật được chính xác hơn trong việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người.

Kết luận chương 1

Trong chương 1, luận văn đã tập trung làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản về khái niệm, dấu hiệu pháp lý của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; đường lối xử lý và phân biệt giữa tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trường hợp dẫn đến chết người với tội giết người trong trường hợp đã hoàn thành; phân biệt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác với tội chống người thi hành công vụ.

Đây là những lí luận quan trọng để tác giả vận dụng làm rõ thực tiễn áp dụng pháp luật về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn quận Long Biên.

Chương 2

ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC TẠI QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

2.1.1 Cơ sở lý luận của định tội danh đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Định tội danh: là một trong những giai đoạn cơ bản, một trong những nội dung của quá trình áp dụng pháp luật, một trong những biện pháp, cách thức đưa các quy phạm pháp luật hình sự vào cuộc sống. Hiện nay, có khá nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm định tội danh. Tuy nhiên, theo tác giả, khái niệm bao hàm đầy đủ nội dung của định tội danh đó là: “*Định tội danh là việc xác định và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi tội phạm cụ thể đã được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm đã được quy định trong quy phạm pháp luật hình sự*” [65; Tr 9, 10]. Định tội danh đúng là kết quả của quá trình hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng và tạo tiền đề cho việc quyết định hình phạt đúng đắn.

Quá trình áp dụng các quy phạm pháp luật hình là quá trình rất phức tạp, được tiến hành ở ba giai đoạn: Định tội danh, xác định khung hình phạt và quyết định hình phạt [56; Tr 11, 12]. Trong đó, định tội danh là giai đoạn đầu tiên, giai đoạn quan trọng nhất trong ba giai đoạn trên, của toàn bộ quá trình áp dụng pháp luật hình sự. Định tội danh một tội phạm cụ thể được tiến hành ở tất cả các giai đoạn của quá trình tiến hành tố tụng hình sự từ giai đoạn khởi tố đến giai đoạn thi hành án. Định tội danh là một trong những hoạt động đưa các quy định của BLHS vào đời sống xã hội, góp phần thực hiện chính sách, đường lối hình sự của Đảng và Nhà nước. Định tội danh là việc xác định về mặt pháp lý hình sự phù hợp giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội đã thực hiện trong thực tế khách quan với các dấu hiệu trong cấu thành tội phạm tương ứng được quy định cụ thể trong BLHS. Nói cách

khác, định tội danh là việc xác định một hành vi cụ thể phù hợp nhất với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm của một tội cụ thể nào trong số các tội được quy định trong BLHS. Về phương pháp định tội danh: Chủ yếu sử dụng các phương pháp phân tích, so sánh, đối chiếu, tổng hợp, quy nạp, diễn dịch và phương pháp loại trừ.

Từ những phân tích khái quát nêu trên có thể thấy định tội danh gồm có bốn đặc điểm như sau:

Thứ nhất, định tội danh là một quá trình nhận thức có tính logic giữa thực tiễn và lý luận. Thể hiện ở hai khía cạnh: Đó là xác định hành vi nguy hiểm cho xã hội đã thực hiện có phù hợp với một cấu thành tội phạm cụ thể trong BLHS và đưa ra sự đánh giá nhất định về mặt pháp lý hình sự đối với hành vi đã thực hiện trong thực tế.

Thứ hai, quá trình hoạt động định tội danh phải tuân thủ nghiêm chỉnh các quy phạm pháp luật của BLHS (Luật nội dung) cũng như các quy phạm pháp luật của BLTTHS (Luật hình thức).

Thứ ba, định tội danh là một dạng của hoạt động áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng (Gồm: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án) để cụ thể hóa các quy phạm pháp luật hình sự vào trong thực tế đời sống xã hội. Trên cơ sở xác định đúng đắn và đầy đủ các tình tiết của hành vi phạm tội đã thực hiện và sự nhận thức đúng đắn và đầy đủ nội dung của các quy phạm pháp luật hình sự.

Thứ tư, định tội danh với tính chất là một dạng của hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự được tiến hành theo ba bước như sau:

Bước 1: Thiết lập, xem xét, đánh giá đúng các tình tiết của vụ án đã xảy ra trên thực tế khách quan.

Bước 2: Nhận thức một cách thống nhất và chính xác nội dung các quy phạm pháp luật hình sự phản ánh các dấu hiệu cấu thành tội phạm về tội danh có hướng lựa chọn.

Bước 3: Lựa chọn đúng quy phạm pháp luật hình sự tương ứng để đối chiếu đầy đủ, chính xác các dấu hiệu cấu thành tội phạm được quy định quy phạm pháp luật của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với

tình tiết hành vi vi phạm cụ thể được thực hiện trên thực tế, trên cơ sở này đưa ra kết luận đúng đắn, có cơ sở, có căn cứ về sự đồng nhất giữa hành vi đã thực hiện với cấu thành tội phạm đã được quy định. Kết luận đó phải được thể hiện dưới dạng văn bản áp dụng pháp luật. [7; Tr. 40]

Từ những lý luận trên có thể đưa ra định nghĩa: Định tội danh đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hoạt động điều tra, truy tố và xét xử của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ trong sự so sánh, đối chiếu với các dấu hiệu trong CTTTP của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác cũng như các quy định của luật hình sự để xác định có tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hay không và người đã thực hiện hành vi đó để xử lý theo quy định của pháp luật.

2.1.2. Thực tiễn định tội danh cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

2.1.2.1. Khái quát tình hình xử lý tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tại thành phố quận Long Biên, thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2015.

Quận Long Biên được thành lập từ năm 2003, tách từ Huyện Gia Lâm, sau khi chia tách quận Long Biên giáp với Quận Hoàn Kiếm, Huyện Đông Anh, Huyện Gia Lâm. Quận Long Biên có diện tích 60,38 km² và dân số là 271.000 người. Đến nay sau 13 năm thành lập, quận Long Biên là một trong những quận dẫn đầu cả nước về quy hoạch đô thị. Vì vậy, vấn đề về an ninh trật tự là một trong những mối quan tâm hàng đầu của lãnh đạo quận. Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là một loại tội phạm nguy hiểm, gây lo lắng cho cộng đồng xã hội, khiến họ luôn hoang mang, không yên tâm trong việc đi lại, làm việc, lao động và học tập... Loại tội này xảy ra khá phổ biến trên địa bàn quận Long Biên, người phạm tội phần lớn là những thanh thiếu niên sử dụng dao, lê, mã tấu và các công cụ tự chế khác thanh toán lẫn nhau, nguy hiểm hơn là họ có thể gây thương

tích cho bất cứ người nào vì những lý do nhỏ nhặt như: từ cái nhìn không ưng ý, hay một sự va chạm giao thông nhẹ...Thực tiễn xét xử loại tội này trên địa bàn quận Long Biên có diễn biến rất phức tạp và chiếm tỉ lệ cao trong tổng số các tội phạm khác trên địa bàn. Từ năm 2011 đến năm 2015, Tòa án nhân dân quận Long Biên đã xét xử 102 vụ với 146 bị cáo, chiếm tỉ lệ 5,55% trong tổng số vụ án đã thụ lý xét xử trên địa bàn. Cụ thể như sau:

Bảng 2.1: Cơ cấu tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác so với tổng số vụ án đã giải quyết tại Tòa án nhân dân quận Long Biên

Năm	Tổng số VA đã giải quyết		Số VA đã giải quyết theo Điều 104 BLHS 1999		Tỷ lệ(%)	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
Năm 2011	331	479	12	12	3,62%	2,5%
Năm 2012	403	772	8	20	2,00%	2,58%
Năm 2013	403	580	38	58	9,42%	10,00%
Năm 2014	382	621	22	28	5,74%	4,50%
Năm 2015	317	470	22	28	6,94%	5,84%
Tổng cộng	1836	2922	102	146	5,55%	4,99%

Nguồn: Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Bảng 2.2: Số liệu, tỷ lệ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác bị đình chỉ, tạm đình chỉ từ năm 2011-2015.

Năm	Tổng số vụ án 104 CQĐT thụ lý giải quyết (1)	Số vụ đình chỉ (2)	Số vụ tạm đình chỉ (3)	Tỷ lệ số vụ (2) / (1)	Tỷ lệ số vụ (3) / (1)
2011	58	5	11	8,62%	15,51%
2012	56	8	10	14,2%	10,71%
2013	57	9	9	15,78%	10,52%
2014	50	4	10	8%	14%
2015	38	6	14	15,7%	5,2%
Tổng	259	32	54	12,35%	11,58%

Nguồn: Số liệu thống kê hình sự, tội phạm của VKSND quận Long Biên

Trong tổng số 102 vụ án được TAND quận Long Biên xét xử về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì hoàn toàn là vụ án tội cố ý gây thương tích (tỷ lệ 100%) và không có vụ phạm tội cố ý gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (tỷ lệ 0%). Như vậy có thể thấy tội cố ý gây thương tích cho người khác chiếm tỷ lệ tuyệt đối.

Mặc dù chiếm một tỷ lệ khá ít trong tổng số tội phạm xảy ra hàng năm trên địa bàn, nhưng quá trình giải quyết các vụ án phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác rất phức tạp. Trong quá trình giải quyết vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng của quận đã rất nỗ lực, cố gắng từ giai đoạn tiếp nhận thông tin, điều tra, truy tố đến xét xử đều cố gắng áp dụng một cách chính xác các quy định của pháp luật. Hàng năm, đa số lượng án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác vẫn được khởi tố, điều tra, truy tố theo đúng quy trình, thủ tục tố tụng, việc đưa ra xét xử vẫn đảm bảo kịp thời và hình phạt đã tuyên đã số đều phù hợp với tính chất mức độ của hành vi phạm tội. Tuy số kháng cáo về tội này chiếm tỉ lệ cao trong tổng số các tội phạm đã xét xử sơ thẩm (có 38 bị cáo phạm tội theo Điều 104 BLHS kháng cáo trên tổng số 160 bị cáo kháng cáo, chiếm 24%) nhưng tỷ lệ y án của cấp phúc thẩm chiếm tỉ lệ cao (80%), tỷ lệ sửa án

do có phát sinh tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm chiếm tỷ lệ (18%), số vụ án bị hủy chỉ có 2 vụ chiếm tỷ lệ 1,9 % trên tổng số 102 vụ án án đã xét xử trong thời gian qua. Giai đoạn 2011 - 2015 có 30 vụ chỉ khởi tố vụ án, không khởi tố được bị can do sau khi thực hiện tội phạm, người thực hiện đã bỏ trốn vì vậy vụ án bị tạm đình chỉ vì không tìm được bị can. Có 25 trường hợp trên tổng số 32 vụ án đình chỉ (chiếm 78%), sau khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can thì người bị hại rút đơn yêu cầu hoặc từ chối giám định thương tật nên phải đình chỉ theo yêu cầu bị hại.

Số lượng án đình chỉ, tạm đình chỉ không nhiều, chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng số các vụ án được thụ lý điều tra.

So sánh bảng 2.2 và bảng 2.1 có thể nhận thấy được, số vụ việc có yếu tố gây thương tích do CQĐT thụ lý giải quyết tương đối nhiều, tuy nhiên CQĐT sau đó đã ra quyết định “*Tạm đình chỉ vụ án*” với Nguyên nhân chủ yếu ở đây là ở những vụ án này, không tìm thấy thủ phạm gây thương tích cho bị hại. Theo thống kê của tác giả, trong 5 năm từ 2011 đến 2015, CQĐT đã ra 202 quyết định tạm đình chỉ vụ án, trong đó “*Tạm đình chỉ vụ án*” tội “*Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*” là 54/202 vụ, chiếm 26,73%. Trong 54 vụ này thì có đến 52/54 vụ là không xác định được bị can của vụ án. Nguyên nhân và hạn chế của việc này tác giả sẽ phân tích trong phần sau.

2.1.2.2 Định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo cấu thành tội phạm cơ bản quy định tại khoản 1 Điều 104 BLHS

- Trường hợp người phạm tội dùng hung khí nguy hiểm

Thống kê các vụ án đã xét xử giai đoạn 2011 – 2015 ở TAND quận Long Biên cho thấy trường hợp người phạm tội “*dùng hung khí nguy hiểm*” để thực hiện hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác rất phổ biến. Hung khí mà người phạm tội thường sử dụng là các loại dao, gậy, gạch, đá, tuýp sắt...khi áp dụng tình tiết này trong xét xử, ngoài việc căn cứ vào các quy định của BLHS, Tòa án cũng áp dụng hướng dẫn của các Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao, như Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội

đồng Thẩm phán TANDTC; Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao...

Tuy nhiên, khi áp dụng tình tiết này, do luật không quy định rõ tỷ lệ thương tật hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác tối thiểu là bao nhiêu phần trăm thì bị truy cứu TNHS, vì vậy về nguyên tắc, nếu người phạm tội dùng "*hung khí nguy hiểm*" để thực hiện hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác mà tỷ lệ thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác là 1% thì cũng có thể bị truy cứu TNHS. Trong thời gian qua ở địa bàn quận tuy chưa có trường hợp nào đưa ra xét xử khi tỷ lệ thương tật của người bị hại là 1%, nhưng vẫn có đến 21 trường hợp bị truy tố khi tỷ lệ thương tật dưới 11%, trong đó có 2 trường hợp tỉ lệ thương tật chỉ là 4%.

Tại các bản án xét xử các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp trên, Tòa án đã đánh giá hành vi của các bị cáo tuy chỉ gây thương tích có tỷ lệ thấp nhưng hành vi, ý thức và hung khí mà bị cáo sử dụng là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự của địa phương.

Trong các trường hợp này, Tòa đã căn cứ vào khách thể bị xâm hại, mặt khách quan, chủ quan và chủ thể đã thực hiện hành vi. Các trường hợp này nạn nhân có tỷ lệ thương tích được xác định là dưới 11%, nhưng công cụ mà các bị cáo đã sử dụng là búa, dao, gậy, mã tấu, gạch đá...thuộc "*hung khí nguy hiểm*" nên việc xử lý theo điểm a, khoản 1, Điều 104 BLHS là đúng quy định của pháp luật.

Ví dụ: Ngày 21/01/2013, Tuấn và Hưng rủ nhau đi uống bia, khi đến quán thì thấy có Hùng ngồi ở đó từ trước nên cả 3 cùng ngồi uống với nhau. Sau khi uống được vài cốc, Hưng ngà ngà và khơi lại chuyện cũ của Hùng. Hùng ngồi nghe thấy nóng ruột nên đã đập đồ bàn, đúng lúc đó chị Ngân là nhân viên ở quán, đang dùng kéo cắt thịt gà cho khách, Hùng giằng lấy và đâm sượt qua người Hùng, gây thương tích 5%. Tòa án nhân dân quận Long Biên đã xét xử Hùng theo quy định tại khoản 1 Điều 104 với tình tiết "dùng hung khí nguy hiểm" (ở đây là cái kéo). Mặc dù sự việc gây thương tích của Hùng gây ra cho Hưng chưa đến 11% nhưng hành vi của

Hùng vẫn thỏa mãn cấu thành khoản 1 Điều 104 với tình tiết “*dùng hung khí nguy hiểm*”, TAND Q. Long Biên xét xử như vậy là hoàn toàn đúng pháp luật [38].

Theo thống kê của tác giả tại quận Long Biên, trong 5 năm từ 2011 đến 2015, số vụ án cố ý gây thương tích có sử dụng hung khí là 80/102 vụ chiếm 80% số vụ án gây thương tích. Trong 21 trường hợp thương tích chưa đến 11% thì có đến 15 trường hợp vẫn thỏa mãn cấu thành khoản 1 Điều 104 do người phạm tội sử dụng “*hung khí nguy hiểm*”. Tuy nhiên, trên thực tế áp dụng, từ giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, việc xác định hung khí gây án là “*hung khí nguy hiểm*” vẫn còn nhiều quan điểm trái chiều, nhất là khi “*hung khí nguy hiểm*” là tình tiết định tội. Tại địa bàn quận trong thời gian qua, đã có những vụ án phải đưa ra họp 2 ngành CA-VKSND để xác định cấu thành tội phạm của người thực hiện hành vi cố ý gây thương tích.

Ví dụ: Khoảng 20h30 phút ngày 19/9/2013, Hùng, Hiếu đến quán của chị Thanh để uống bia. Hùng và Hiếu ngồi ở bàn bên ngoài cạnh cửa ra vào. Một lúc sau thì Thắng, Công, Trung đến, ngồi ở bàn phía trong quán, gọi bia để uống. Khi Thắng uống đến cốc bia thứ hai thì cảm thấy buồn nôn nên đã nói với mọi người. Thấy vậy, Hùng liền nói: “*Nôn thì đập vào mồm*”. Sau đó, Thắng đi ra chỗ anh Hùng hỏi: “*Nói cái gì đấy*” đồng thời dùng tay phải cầm chiếc cốc bằng thủy tinh dùng để uống bia đập vào má bên trái của anh Hùng. Hùng thấy choáng liền loạng choạng đứng dậy nhưng Thắng đã dùng tay phải lấy một chiếc cốc khác ở trên bàn đập tiếp vào đầu Hùng. Hiếu thấy vậy liền đẩy Thắng ra rồi kéo Hùng lên xe máy, đưa đến bệnh viện.

Tại bản kết luận giám định thương tích, kết luận Hùng thương tích 10%. Khi vụ án còn ở giai đoạn tin báo, xác minh, CQĐT đã đề nghị với VKSND họp 2 cơ quan, cùng đánh giá tang vật “*chiếc cốc bia*”, để xác định có tội hay không có tội trong trường hợp này. Đây chính là một hạn chế trong quy định của pháp luật, sẽ được tác giả phân tích sâu hơn ở phần sau của luận văn.

-Trường hợp gây cố tật nhẹ cho nạn nhân

Như trên đã đề cập, điểm 1 khoản 1 Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của HĐTP TANDTC hướng dẫn: “*Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân*” là hậu quả của hành vi *CYGTT* hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân gây nên trạng thái bất thường không thể chữa được cho một bộ phận cơ thể của nạn nhân”. Cố tật nhẹ cũng là một thương tật gây ra cho một bộ phận cơ thể nạn nhân mà không thể chữa được, nhưng tỷ lệ thương tích của nạn nhân được xác định là dưới 11%. Trường hợp này xảy ra thời gian qua ở TAND quận Long Biên không nhiều. Qua nghiên cứu các vụ án được TAND quận Long Biên xét xử giai đoạn 2011 – 2015 cho thấy, một số vụ án Tòa án đã căn cứ vào tỷ lệ thương tích dưới 11% nhưng do bị cáo thực hiện hành vi cố ý gây thương tích làm cho nạn nhân bị mất thẩm mỹ trên vùng mặt, từ đó đã áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 104 BLHS là hoàn toàn chính xác.

Ví dụ: Ngày 04/05/2011, Yến cùng với Trang, Dương rủ nhau đi chơi. Cả nhóm gặp hai chị em Hương, Hằng đang ngồi uống nước tại quán nước. Do có mâu thuẫn với Hương và Hằng từ trước nên Yến xuống xe mô tô xông vào quán nước dùng gậy (loại tuýp nước bằng kim loại) dài khoảng 80cm, đường kính khoảng 3cm đánh liên tiếp vào đầu, mặt và người Hương. Thấy vậy Hằng dùng 01 tấm ván lao vào can ngăn thì bị nhóm của Yến dùng tuýp nước đánh vào mặt và người. Hậu quả: Chị Hương bị rách da trên đỉnh đầu dài, dập gãy xương chính mũi, tỷ lệ thương tật là 10%, chị Hằng bị rách da trên đỉnh đầu, mặt và nhiều vết bầm tím trên cơ thể tỷ lệ thương tật là 6%. Tòa án nhân dân quận Long Biên nhận định Yến dùng gậy sắt đánh vào vùng đầu, mặt của bị hại gây ảnh hưởng đến thẩm mỹ nên thuộc trường hợp cố tật nhẹ nên đã áp dụng điểm b khoản 1, Điều 104 BLHS tuyên xử Yến 9 tháng tù [39].

- Trường hợp phạm tội có tính chất côn đồ

Đây là trường hợp cũng xảy ra khá phổ biến, đứng sau trường hợp dùng hung khí nguy hiểm trên địa bàn quận Long Biên, bởi các đối tượng phạm tội thường là những thanh thiếu niên hư hỏng, sống lang thang, buông thả, thực hiện tội phạm do những nguyên cơ nhỏ nhặt hoặc không cần có lý do. Đối với các trường hợp này

qua nghiên cứu các bản án đã xét xử giai đoạn 2011 – 2015 tại TAND quận Long Biên cho thấy Tòa án đã căn cứ vào khách thể bị xâm hại, mặt khách quan, lỗi của các bị cáo, chủ thể thực hiện hành vi và tỷ lệ thương tích được xác định tuy là dưới 11% nhưng do các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội có tính hung hãn, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, phạm tội khi không có nguyên do hoặc phạm tội vì lý do nhỏ nhặt để áp dụng tình tiết "*phạm tội có tính chất côn đồ*" là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ví dụ: vào ngày 17/6/2011, Hà sau khi nghe cháu mình là Hiền kể đã từng bị Hiền là người cùng xóm đánh, Hà lấy dao mang theo người đi tìm Hiền, nhưng Hà chỉ gặp anh ruột của Hiền là Hiền, Hà liền rút dao ra đâm vào phía sau lưng của Hiền một nhát trúng vào vùng lưng phía bên phải và bỏ chạy. Ngô Văn Hiền bị tổn hại sức khỏe là 10%. Tòa án nhân dân quận Long Biên xác định hành vi của bị cáo Hà có tính côn đồ nên áp dụng điểm i, khoản 1, Điều 104 BLHS xử 15 tháng tù. [40]

2.1.2.3. Định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo cấu thành tội phạm tăng nặng quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 104 BLHS

** Định tội danh theo quy định tại khoản 2, Điều 104 BLHS*

Khi định tội danh theo khung tăng nặng quy định tại khoản 2, Điều 104 BLHS thì vẫn phải định tội theo các yếu tố cấu thành tội phạm của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, chỉ khác về mức độ hậu quả xảy ra thuộc về dấu hiệu hậu quả thuộc mặt khách quan của tội phạm. Hậu quả do hành vi của tội này gây ra theo quy định tại khoản 2 Điều 104 có tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30% nhưng phải thuộc một trong các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm k, khoản 1, Điều 104 BLHS.

- Định tội danh trường hợp tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30%

Trường hợp người phạm tội gây thương tích cho nạn nhân mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% thì tòa án cần xem xét đến các tình tiết được quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS.

+ *Trường hợp người phạm tội dùng hung khí nguy hiểm:*

Nghiên cứu các vụ án đã xét xử tại TAND quận Long Biên giai đoạn 2011 - 2015 cho thấy, khi người phạm tội gây hậu quả tỷ lệ thương tật cho người bị hại từ 11% đến 30%, nhưng các bị cáo đã sử dụng công cụ phương tiện phạm tội là mã tấu, dao, rựa, xà beng, gạch, đá... là những vật có tính nguy hiểm nên Tòa án áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “*Dùng hung khí nguy hiểm*” là theo đúng quy định của pháp luật.

Ví dụ: Vào ngày 25/6/2014, Hưng rủ Cương và chị Vân Anh đến nhà bà Tâm để yêu cầu thanh toán tiền nợ của con gái bà Tâm. Do con gái bà Tâm không có nhà nên cả nhóm đòi tiền bà Tâm. Do không thống nhất được việc trả tiền nên các bên xảy ra cãi nhau. Hưng cầm cốc nước hắt vào mặt bà Tâm, bà Tâm cầm chiếc chén ném về phía Hưng. Hưng lao về phía bà Tâm đồng thời cầm chiếc khay bằng sứ đập vào đầu bà Tâm, bà Tâm giơ tay lên đỡ thì Hưng tiếp tục đập vào tay của bà Tâm và du bà Tâm ngã vào ghế băng dài. Kết quả giám định pháp y kết luận thương tích của bà Tâm là 14%. VKSND quận Long Biên nhận định Hưng dùng chiếc khay bằng sứ là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người khác mặc dù tỉ lệ thương tật là 14% nên truy tố theo khoản 2 Điều 104 BLHS. viện dẫn đến điểm a, khoản 1 Điều 104 BLHS trong sự vận dụng hướng dẫn của TANDTC trong các Nghị quyết có liên quan.

+ *Trường hợp phạm tội có tính chất côn đồ*

Nghiên cứu các vụ án đã xét xử giai đoạn 2011 – 2015 ở TAND quận Long Biên cho thấy, tuy hậu quả tỷ lệ thương tật của người bị hại từ 11% đến 30%, và đảm bảo các yêu cầu khác của các yếu tố cấu thành tội phạm của tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, nhưng do vô cơ hoặc vì nguyên cơ nhỏ nhặt mà các bị cáo đã có hành vi gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe cho người bị hại, vì vậy Tòa án áp dụng khoản 2 Điều 104 BLHS là có cơ sở.

Ví dụ: Ngày 05/12/2012 Việt Anh, Lượng và Hoàn rủ nhau đi dự sinh nhật của Trọng (là bạn của Việt Anh). Đến khoảng 23h cùng ngày, Lượng điều khiển xe

mô tô chở Việt Anh và Trọng đi về. Do Trọng bị say rượu, Lượng dừng xe cho Trọng xuống xe. Khi Việt Anh, Trọng và Lượng đang ngồi ở cổng UBND phường Gia Thụy thì thấy bố của Việt Anh là ông Ngọc đến, Ông Ngọc xuống xe mắng Việt Anh. Cùng lúc đó có anh Phòng điều khiển xe đi qua. Do bức tức với bố, Việt Anh hô “*dừng lại*”, đồng thời đứng chặn đầu xe của anh Phòng rồi lấy con dao gấp dài khoảng 25 cm để trong túi quần bên phải đang mặc ra đâm 01 nhát vào bụng bên trái của anh Phòng. Hậu quả, anh Phòng bị thương, kết luận tỷ lệ thương tật là 30%. VKSND quận Long Biên nhận định Việt Anh vô cớ đã dùng dao đâm anh Phòng là hành vi có tính chất côn đồ nên truy tố Việt Anh theo khoản 2 Điều 104 BLHS 1999. Việc VKSND quận Long Biên truy tố như vậy là có căn cứ. [41]

+ *Trường hợp gây thương tích cho nhiều người*

Tại quận Long Biên, các bản cáo trạng của VKSND đã truy tố, sau đó Tòa đã xét xử trong trường hợp này đều căn cứ vào mặt khách quan của hành vi phạm tội, dấu hiệu hậu quả là tỷ lệ thương tật dưới 31% của người bị hại, khách thể bị xâm phạm, lỗi của các bị cáo, tình tiết các bị cáo gây thương tích cho từ 2 người trở lên để áp dụng tình tiết “*gây thương tích cho nhiều người*” là có căn cứ.

Ví dụ: Vào ngày 29/09/2011, Loan cùng chị ruột là Hồng cãi nhau với Thảo là người cùng xóm. Trang là chị chồng của Thảo chạy vào nhà lấy một cây đòn gánh làm bằng tre dài 70cm, chiều ngang 06cm đánh trúng vào tay của Hồng và Loan gây thương tích. Kết quả giám định, Nguyễn Thị Hồng Loan có tỉ lệ tổn hại sức khỏe do thương tích gây nên là 17%; Nguyễn Thị Cẩm Hồng, có tỉ lệ tổn hại sức khỏe do thương tích gây nên là 16%. Tại bản án số 45/2013/HSST ngày 06/02/2013, Tòa án nhân dân quận Long Biên nhận định Trần Thị Trang đã gây thương tích cho hai người là Hồng và Loan với tỉ lệ thương tật mỗi người trên 11% nhưng dưới 31% nên đã áp dụng khoản 2, Điều 104 BLHS tuyên xử Trang 03 năm tù là có căn cứ. [42]

+ *Trường hợp để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân*

Nghiên cứu các bản án đã tuyên cho thấy, các cơ quan tiến hành tố tụng của quận Long Biên đã căn cứ vào các yếu tố cấu thành tội phạm của hành vi phạm tội, đặc biệt là dấu hiệu hậu quả thể hiện ở tỷ lệ thương tật dưới 31% của người bị hại và tình tiết bị cáo gây thương tích cho bị hại là “*người thi hành công vụ*” với động cơ để cản trở, hoặc vì lý do công vụ của họ để áp dụng tình tiết “*để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân*” theo khoản 2 Điều 104 trong sự viện dẫn đến điểm k, khoản 1, Điều 104 BLHS là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên, với tình tiết này, trong thời gian qua chỉ có 01/102 vụ án TAND đã xét xử có tình tiết trên.

Vụ án như sau: Đề thi hành QĐTHA 360/QĐ-CCTHA của Chi cục THADS quận Long Biên, ngày 19/6/2014, Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên tổ chức kiểm tra hiện trạng tài sản là 01 mảnh đất diện tích 60m² cùng ngôi nhà cấp 4 trên đất. Khi đến nơi, lực lượng gồm đại diện VKSND quận Long Biên, Cán bộ địa chính phường, Tổ trưởng tổ dân phố, công an trật tự và công an khu vực, cùng các chuyên viên của Công ty đo vẽ Hoàng Gia, Chấp hành viên phụ trách thi hành quyết định Thi hành án trên yêu cầu anh Bình (là chủ nhà hiện đang sinh sống ở mảnh đất trên). Tuy nhiên, Bình đứng trước cửa và hô to: “*Các người đến đây làm gì*”, vừa nói xong Bình chạy vào sau bếp lấy 01 con dao nhọn dài 34cm chạy ra. Lúc này anh Quốc là Công an khu vực ra giải thích nhưng Bình đã dùng tay trái đâm vào mặt anh Quốc, tay còn lại khua khoắng “*Thằng nào vào đây, tao chém chết*”, trong lúc đó, Bình đã khua con dao nhọn chém sượt vào tay trái của anh Quốc làm rách da chảy máu. Tỷ lệ thương tật của anh Quốc là 15%. VKSND đã truy tố, sau đó Tòa án nhân dân quận Long Biên nhận định vì lý do công vụ của Quốc, Bình đã dùng dao gây thương tích cho anh Quốc, mặc dù tỉ lệ thương tật dưới 31% nên đã áp dụng khoản 2, Điều 104 BLHS tuyên xử Bình 24 tháng tù là có căn cứ [43]

** Định tội danh theo quy định tại khoản 3, Điều 104BLHS*

Định tội danh theo khung tăng nặng quy định tại khoản 3, Điều 104 BLHS cũng tương tự như trường hợp định tội danh theo cấu thành cơ bản, tức là vẫn phải định tội danh theo các yếu tố cấu thành tội phạm của tội cố ý gây thương tích hoặc

gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, chỉ khác về mức độ hậu quả xảy ra cho người khác có thương tật từ 61% trở lên hoặc từ 31% đến 60% nhưng phải thuộc một trong các trường hợp được quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS.

Về cơ bản, các cơ quan tiến hành tố tụng của quận Long Biên đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự trong việc xác định các yếu tố cấu thành tội phạm. Khung hình phạt này đã được áp dụng với 26 vụ trong tổng số 102 vụ đã xét xử về tội danh này chiếm 25,7%. Phần lớn các vụ án đã được giải quyết đều vận dụng đúng các quy định của pháp luật nên các bản án đã tuyên đa số đều có cơ sở. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, vẫn còn trường hợp việc áp dụng pháp luật chưa bảo đảm đúng tinh thần của các quy định:

Ví dụ vụ án: Ngày 14/8/2012, Thành và Đức đi xe máy lưu thông trên đường, đến đoạn dừng đèn đỏ, Thành và Đức vượt đèn đỏ, tạt đầu và làm xước xe ô tô của anh Tùng đang đỗ đèn đỏ cùng chiều. Lúc sau, Tùng phóng lên đi ngang hàng với Thành, kéo kính xuống, lúc này ngồi ghế phụ là anh Tuấn đã quay ra chửi : *“mấy thằng ranh con đi mất dạy”*. Sau đó 2 bên đôi co, đến đoạn đường vắng, Thành và Đức đỗ xe trước ô tô của Tùng. Hai bên to tiếng 1 hồi, sau đó Thành rút chiếc dao bấm trong người ra chém trượt Tùng. Tùng với Tuấn quay đầu chạy ra sau xe ô tô định núp, nhưng Đức đã nhanh tay nhặt khúc gỗ dưới đất vòng ra sau và đập 01 nhát vào đầu Tuấn. Không dừng lại ở đó, Tùng đập thêm nhiều nhát vào người Tuấn, Thành thấy Tuấn nằm ngất dưới đất nên kêu Đức dừng lại và bỏ đi. Tại kết luận giám định thương tích, kết luận Tuấn thương tích tỷ lệ 35% chấn thương sọ não. Tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã tuyên: Đức phạm tội Cố ý gây thương tích xử phạt 6 năm tù giam; Thành phạm tội gây rối trật tự công cộng xử phạt 12 tháng 23 ngày tù giam. Bản án sau đó bị Tòa phúc thẩm tuyên hủy để điều tra lại, do còn nhiều tình tiết chưa được làm rõ, lời khai các thời kỳ của bị cáo mâu thuẫn nhau.[44]

- *Trường hợp tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%*

* *Trường hợp người phạm tội dùng hung khí nguy hiểm:* Qua nghiên cứu các vụ án đã xét xử cho thấy, khi hành vi đã thỏa mãn tất cả các dấu hiệu khác của CTTTP tội cố ý gây thương tích và hậu quả (tỷ lệ thương tật của người bị hại) từ 31%

đến 60%, và các bị cáo đã sử dụng công cụ phương tiện phạm tội là mã tấu, dao, rựa, xà beng, gạch, đá... là những “*phương tiện nguy hiểm*” thì Tòa án sẽ áp dụng tình tiết định khung là “*Dùng hung khí nguy hiểm*” để áp dụng khoản 3, Điều 104 BLHS trong dự dẫn chiếu đến điểm a khoản 1 Điều 104 là đúng theo quy định của pháp luật.

Ví dụ vụ án: Ngày 17/1/2014, Vân, Tuấn, Công, Phương và Thành rủ nhau mua thức ăn về ăn cơm và uống rượu tại phòng trọ của chị Vân. Khi cả nhóm đang uống rượu thì có Phương Anh (là bạn gái của Thành) đến. Thành đưa Phương Anh về phòng của mình và không cho Phương Anh ăn cơm cùng mọi người. Thấy vậy, anh Phương và Tuấn có nhắc nhở Thành, các bên lời qua tiếng lại với nhau, Thành bỏ về phòng trọ của mình. Khoảng 5-10 phút sau Thành lấy 01 con dao gấp dài khoảng 10cm có chuôi bằng kim loại, lưỡi dao dài khoảng 5cm cầm ở tay phải và đi vào phòng của chị Vân. Thành dùng dao đâm vào má phải của anh Tuấn, sau đó tiếp tục đâm nhiều nhát vào người anh Tuấn làm anh Tuấn bị thương. Tại bản kết luận giám định thương tích kết luận tỷ lệ thương tật của anh Tuấn là 38%. TAND quận Long Biên nhận định Thành đã dùng dao nhọn là loại hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người khác tuy với tỉ lệ dưới 61% nhưng thuộc trường hợp “*dùng hung khí nguy hiểm*” (Điểm a khoản 1 Điều 104 BLHS) nên đã áp dụng khoản 3, Điều 104 BLHS tuyên xử phạt Thành 5 năm tù là có căn cứ [45].

** Trường hợp phạm tội có tính chất côn đồ*

Nghiên cứu các vụ án đã xét xử cho thấy, khi hành vi cố ý gây thương tích thỏa mãn tất cả các dấu hiệu khác của CTTP và hậu quả tỷ lệ thương tật của người bị hại từ 31% đến 60%, người thực hiện hành vi vô cố hoặc vì nguyên cố nhỏ nhất đã có hành vi gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe cho người bị hại thì Tòa án áp dụng tình tiết “*phạm tội có tính chất côn đồ*” để định tội danh theo khoản 3 Điều 104 BLHS là đúng pháp luật trong sự dẫn chiếu đến điểm “i” khoản 1 Điều 104 BLHS

Ví dụ vụ án: Ngày 24/4/2015, anh Cường, Sỹ và anh Võ đến quán lẩu cay Dững Hà để ăn đêm cùng các bạn, sau đó cả nhóm rủ nhau đi hát karaoke, khi anh Cường đang đứng ở ngoài cửa quán để nghe điện thoại thì nhìn thấy phía trước cửa

quán có Tùng đang chờ bạn là Thắm. Lúc này, Tùng nhìn anh Cường và hỏi “*có việc gì không anh*”, anh Cường trả lời “*mày làm sao*” và tiến lại gần Tùng. Thấy vậy, Tùng nghĩ là Cường đang nhìn đều mình nên tiến lại gần chỗ anh Cường, hai người đứng đối diện nhau, Tùng liền dùng tay trái rút con dao từ trong túi quần trước ra và nói với anh Cường “*ĐM thằng này*” đồng thời giơ dao đâm trúng vào phần ngực của anh Cường. Tại Bản kết luận giám định y pháp về thương tích kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 34%. TAND quận Long Biên nhận định Tùng không mâu thuẫn gì với anh Cường, Tùng đã sử dụng “*dao*” là loại hung khí nguy hiểm đâm vào người của gây thương tích, với tỉ lệ dưới 61% nhưng thuộc trường hợp “*có tính chất côn đồ*”, “*dùng hung khí nguy hiểm*” nên đã áp dụng khoản 3, điều 104 BLHS tuyên xử phạt Tuần 6 năm tù là có căn cứ.

Qua nghiên cứu cho thấy các trường hợp phạm tội mà tỷ lệ thương tật của người bị hại dưới 11% để định tội danh theo khung cơ bản, dưới 30% để định tội danh theo khung 2 và dưới 60% để định tội danh theo khoản 3 nhưng thuộc các điểm khác tuy có xảy ra nhưng không nhiều.

2.2. Quyết định hình phạt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

2.2.1. Cơ sở lý luận của Quyết định hình phạt đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Quyết định hình phạt là hoạt động nhận thức và áp dụng pháp luật hình sự của Hội đồng xét xử. Tuy nhiên, cho tới nay ở nước ta vẫn chưa có một văn bản pháp luật hình sự nào ghi nhận định nghĩa về quyết định hình phạt. Trong khoa học pháp lý đã có khá nhiều tác giả đưa ra định nghĩa quyết định hình phạt. Đa số các tác giả cho rằng: “*Quyết định hình phạt là việc Tòa án lựa chọn loại hình phạt cụ thể bao gồm hình phạt chính và có thể cả hình phạt bổ sung với mức độ cụ thể trong phạm vi luật định để áp dụng cho người phạm tội.*”[9] Phân tích các quy định của pháp luật hình sự về quyết định hình phạt và các quan điểm khoa học về quyết định hình phạt có thể thấy quyết định hình phạt theo quy định của BLHS 1999 có các đặc điểm sau:

- Thứ nhất, quyết định hình phạt là hoạt động thực tiễn của Tòa án (cụ thể là của HĐXX) được thực hiện sau khi đã định tội danh;

- Thứ hai, quyết định hình phạt do Tòa án thực hiện trên cơ sở quy định của BLHS;

- Thứ ba, nội dung của quyết định hình phạt có thể là miễn TNHS hoặc có thể là miễn hình phạt hoặc nếu Tòa án quyết định áp dụng hình phạt thì quyết định hình phạt bao gồm xác định khung hình phạt (có thể) và hình phạt cụ thể cho bị cáo;

- Thứ tư, quyết định hình phạt chỉ áp dụng đối với cá nhân có hành vi phạm tội.

Từ những phân tích trên, tác giả đồng ý với quan điểm cho rằng, “*quyết định hình phạt là hoạt động nhận thức thực tiễn của Tòa án (cụ thể là HĐXX) được thực hiện sau khi đã xác định được tội danh để định ra biện pháp xử lý tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi bị cáo đã thực hiện. Nội dung của hoạt động quyết định hình phạt có thể là miễn TNHS hoặc có thể là miễn hình phạt hoặc nếu Tòa án quyết định áp dụng hình phạt thì hoạt động quyết định hình phạt bao gồm việc xác định khung hình phạt và việc xác định hình phạt cụ thể trong phạm vi luật cho phép đối với bị cáo*”. [63; Tr 74,75]

Mặc dù QĐHP là hoạt động nhận thức thực tiễn của Tòa án, tuy nhiên, hoạt động này chịu sự chi phối rất lớn bởi kết quả hoạt động của các cơ quan khác trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Bởi lẽ chỉ có thể quyết định một hình phạt đúng trên cơ sở nhận thức đúng các tình tiết của vụ án. Tuy nhiên, để làm rõ các tình tiết của vụ án thì vai trò của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, cơ quan giám định... là vô cùng quan trọng. Chỉ có thể QĐHP một cách chính xác khi kết quả hoạt động của các cơ quan có liên quan trong quá trình giải quyết vụ án cũng bảo đảm khách quan và chính xác

Với khái niệm và đặc điểm như trên, việc quyết định hình phạt đúng sẽ có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm cũng như mang lại sự công bằng, khách quan cho xã hội, bởi:

Thứ nhất, quyết định hình phạt đúng là cơ sở pháp lý để đạt được mục đích của hình phạt.

Thứ hai, quyết định hình phạt đúng là cơ sở pháp lý đảm bảo và nâng cao hiệu quả của hình phạt.

Thứ ba, quyết định hình phạt đúng là điều kiện đảm bảo tính khả thi của hệ thống hình phạt.

2.2.2 Thực tiễn áp dụng pháp luật để quyết định hình phạt đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

2.2.2.1. Tình hình QĐHP đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tại quận Long Biên, thành phố Hà Nội giai đoạn 2011 - 2015

Bảng 2.3. Tình hình quyết định hình phạt của Tòa án từ năm 2011 đến 2015

Hình phạt	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Bị cáo	Tỷ lệ %	Bị cáo	Tỷ lệ %	Bị cáo	Tỷ lệ %	Bị cáo	Tỷ lệ %	Bị cáo	Tỷ lệ %
Cải tạo không giam giữ	0	0	0	0	0	0	0	0	2	5,7%
Tù cho hưởng án treo	7	39%	3	13%	2	5%	8	26%	8	22,8%
Tù 3 năm trở xuống	7	39%	8	35%	30	77%	13	41,5%	19	54,4%
Tù 3 năm đến 7 năm	4	22%	12	52%	7	18%	8	26%	4	11,4%
Tù 7 năm đến 15 năm	0	0	0	0	0	0	2	6,5%	2	5,7%
Tổng cộng	18		23		39		31		35	

Nguồn: Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bảng thống kê trên cho thấy, giai đoạn 2011-2015 TAND quận Long Biên đã áp dụng tất cả các loại hình phạt được quy định trong Điều 199 BLHS cho các bị cáo phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Tuy nhiên, hình phạt cải tạo không giam giữ là hình phạt được tòa án áp dụng ít

nhất (chỉ có 2/132 bị cáo chiếm 1,5% tổng số bị cáo bị xét xử giai đoạn 2011-2015). Có thể thấy suốt từ năm 2011 đến 2014, Tòa án không áp dụng hình phạt này. Cả hai vụ đều được Tòa án áp dụng trong năm 2015. Chiếm số lượng nhiều nhất là hình phạt tù từ 3 năm trở xuống với 77 bị cáo chiếm 52,7% tổng số bị cáo bị xét xử giai đoạn 2011-2015. Tiếp theo là mức xử phạt từ 3 đến 7 năm tù với 35 bị cáo chiếm 24 % tổng số bị cáo bị xét xử giai đoạn 2011-2015. Hình phạt tù từ 7 đến 15 năm chỉ có 4 bị cáo và cũng chỉ có 28 bị cáo bị phạt tù cho hưởng án treo trong tổng số 132 bị cáo bị xét xử giai đoạn 2011-2015. Điều này về cơ bản là phù hợp với tính chất mức độ của hành vi phạm tội, phù hợp với tình hình tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác xảy ra trên địa bàn quận. Đa số các vụ án khi đưa ra mức xử phạt cho các bị cáo đều được các bị cáo chấp nhận; người bị hại hài lòng và đồng ý dư luận người dân đồng tình ủng hộ.

Bên cạnh những kết quả đạt được kể trên, quá trình QĐHP đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, TAND quận Long Biên cũng gặp phải nhiều khó khăn, vướng mắc. Một số trường hợp bản án đưa ra vẫn chưa thuyết phục vì chưa có được những cơ sở vững chắc cũng như chưa đánh giá hết những tình tiết có ảnh hưởng đến tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Những hạn chế, vướng mắc này sẽ được tác giả đề cập đến phần sau của luận văn. Sau đây tác giả sẽ phân tích làm rõ thực tiễn QĐHP của TAND quận Long Biên đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

2.2.2.2 QĐHP đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo quy định của BLHS

Đối với người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo quy định tại Điều 104 BLHS 1999 thì họ có thể áp dụng những hình phạt sau: cải tạo không giam giữ, phạt tù cho hưởng án treo, tù có thời hạn, phạt tù chung thân. Để có thể ra một trong các quyết định về hình phạt trên đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì ngoài việc căn cứ vào các quy định tại chương VII của BLHS về quyết định hình phạt thì Tòa án còn phải căn cứ vào các điều khoản, văn bản khác phù hợp với từng hình

phạt khác nhau như: Khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, Tòa án cũng phải căn cứ vào Điều 32 BLHS 1999 về cải tạo không giam giữ, đó là: hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng từ sáu tháng đến ba năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng do BLHS quy định mà đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi thường trú rõ ràng, nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội. Chỉ khi người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có những điều kiện thỏa mãn các quy định tại Điều 31 BLHS 1999 thì họ mới được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, hình phạt cải tạo không giam giữ chỉ được áp dụng đối với người phạm tội bị truy cứu TNHS theo khoản 1 Điều 104 BLHS 1999.

. Hoặc khi áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, ngoài việc áp dụng các quy định tại chương VII, Tòa án còn phải áp dụng các quy định tại Điều 60 của BLHS cùng với các văn bản hướng dẫn áp dụng án treo, chẳng hạn như văn bản mới nhất hướng dẫn về việc áp dụng hình phạt này là Nghị quyết số 01/2013/NQ HĐTP ngày 06 tháng 11 năm 2013 của HĐTP TANDTC về hướng dẫn áp dụng Điều 60 của BLHS 1999 về án treo. Trong 5 năm, tòa án quận Long Biên đã ra quyết định cho 28 bị cáo được hưởng án treo trong tổng số 146 bị cáo phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác, chiếm 19%. Ngoài ra, khi quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội còn phải căn cứ vào các quy định tại Điều 43 BLHS...

Có thể nói, các quy định trong BLHS và trong các văn bản hướng dẫn thi hành BLHS là những căn cứ quan trọng đầu tiên để Tòa án áp dụng trong QĐHP. Nghiên cứu 102 vụ án đã được TAND quận Long Biên xét xử về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác giai đoạn 2011-2015 cho thấy, phần lớn các vụ án, Tòa án đã vận dụng hết sức chính xác các quy định của pháp luật trong việc QĐHP, vì vậy hình phạt đã tuyên cho 146 bị cáo phạm tội phần lớn là phù hợp các quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ nguy

hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đáp ứng yêu cầu của hoạt động đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên cũng có một vài vụ việc áp dụng các quy định của pháp luật hình sự còn có những vướng mắc mà tác giả sẽ trình bày ở phần sau của luận văn

2.2.2.3 Quyết định hình phạt đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội

Các quy định của BLHS thuộc căn cứ thứ nhất để quyết định hình phạt thực chất cũng đã bao hàm một phần nội dung của căn cứ thứ hai này. Tuy nhiên, BLHS vẫn quy định tiếp căn cứ thứ hai cho việc QĐHP là “*cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội*” để nhằm bảo đảm xem xét một cách kỹ lưỡng tất cả những tình tiết có liên quan đến tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội để quyết định được một mức xử phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

Nói cách khác thì tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đã được nhà làm luật xác định để làm căn cứ phân loại tội phạm; cá thể hóa hình phạt; tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội còn là căn cứ xác định mức hình phạt cho từng tội phạm. Bởi vậy, cùng một loại tội phạm, cùng một khung hình phạt nhưng do những yếu tố khác nhau nên tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng khác nhau và tất nhiên, mức hình phạt cũng khác nhau.

Đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tại các khoản 1, 2 và 3 đều có các tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 104 BLHS 1999. Nhà làm luật đã quy định 10 tình tiết tương ứng với cấu thành tội phạm cơ bản từ điểm a đến k là tình tiết định khung hình phạt, nên tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi trước hết phụ thuộc vào việc người phạm tội có ít hoặc nhiều tình tiết định khung hình phạt quy định tại các điểm từ a đến k khoản 1 Điều 104 BLHS. Tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng phụ thuộc vào hậu quả mà hành vi đó gây ra thể hiện bằng tỷ lệ

thương tật của người bị hại tại các khoản 1, 2, 3 và số người chết tại khoản 4 Điều 104 BLHS 1999.

Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác đòi hỏi Hội đồng xét xử phải đánh giá một cách toàn diện các yếu tố, như tính chất của hành vi (thể hiện qua công cụ, phương tiện, thủ đoạn, hình thức thực hiện...); tính chất và mức độ của hậu quả thiệt hại gây ra cho nạn nhân; tính chất của động cơ phạm tội, quyết tâm thực hiện tội phạm, hoàn cảnh phạm tội...

Nghiên cứu 102 vụ án phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà TAND quận Long Biên đã xét xử giai đoạn 2011-2015 cho thấy, đa số vụ án đều được Hội đồng xét xử cân nhắc cẩn trọng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện các tình tiết, diễn biến của vụ án, cũng như hậu quả mà hành vi phạm tội đã gây ra cho nạn nhân. Tuy nhiên, cũng có một vài vụ án, việc cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng có những hạn chế do các nguyên nhân khác nhau sẽ được tác giả phân tích kỹ ở phần sau của luận văn.

- Vụ án 1: Ngày 16/7/2013 Thắng đi ăn sáng tại quán của chị Huyền trên đường Nguyễn Văn Linh, Thắng sau khi ăn sáng xong có ngồi chơi ở trước cửa quán nói chuyện phiếm với chị Huyền. Thành cũng là khách đang ăn ở quán, khi đang tính tiền thì có nói “ĐM, ăn bát phở nóng dẻo chịu được” Thắng ngồi gần đó tưởng Thành chửi mình nên đã cầm cái điều cây đập vào đầu Thành. Thành bị chảy máu, tại bệnh viện kết luận tỷ lệ thương tật 15%. Ngày 09/12/2013 TAND quận Long Biên đã xét xử Giang 12 Tháng tù giam. Tại vụ án trên, Tòa án đã cân nhắc, vận dụng tình tiết tăng nặng là “*có tính chất côn đồ*” để quyết định hình phạt đối với hành vi phạm tội của Thắng.

- Vụ án 2: Ngày 27/8/2013, Nghĩa và Hùng đi uống cà phê tại quán chị Hương tại Khu đô thị Việt Hưng. Tại đây 2 người nói chuyện to làm ảnh hưởng đến các bàn khác trong quán. Anh Hiếu ngồi bàn bên cạnh quay ra nhìn, lập tức Nghĩa đứng dậy đi về phía Hiếu “Mày nhìn gì hả thằng kia” liền cầm chiếc điều cây ở gần đó

đập vào đầu anh Hiếu, và sau đó còn ấn đầu Hiếu xuống bàn, anh Hiếu được đưa đi cấp cứu, tỷ lệ thương tật 15%. Nghĩa bị TAND quận Long Biên tuyên phạt Nghĩa 36 tháng theo khoản 2 Điều 104 BLHS với tình tiết tăng nặng là “*có tính chất côn đồ*” viện dẫn từ điểm “I” khoản 1 Điều 104 BLHS, theo đánh giá của hội đồng xét xử, việc chỉ vì anh Hiếu quay ra “nhìn” mà Nghĩa có thể đánh người khác như vậy thì hành vi của Nghĩa quá nguy hiểm [46].

So sánh hai vụ án cho thấy, mặc dù cùng gây thương tích với tỷ lệ 15%, hung khí đều là cái “*điếu cày*”, và Tòa án đều áp dụng tình tiết “*có tính chất côn đồ*” khi quyết định hình phạt. Tuy nhiên, xét về tính chất và mức độ “*có tính chất côn đồ*” thì hành vi của Nghĩa nguy hiểm hơn hành vi của anh Thắng rất nhiều. TAND Q.Long Biên tuyên phạt như vậy là hoàn toàn hợp lý.

2.2.2.4. Quyết định hình phạt đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo đặc điểm nhân thân của người phạm tội

Nhân thân người phạm tội là toàn bộ các yếu tố về tự nhiên và xã hội có liên quan đến người phạm tội bao gồm: Tuổi đời, tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp, trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn, quá trình công tác, thành tích, kỷ luật, lịch sử bản thân, hoàn cảnh gia đình... Nhân thân người phạm tội nói chung và nhân thân người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng là căn cứ rất quan trọng để HĐXX quyết định hình phạt. Nghiên cứu 102 vụ án phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác đã được xét xử tại quận Long Biên cho thấy, đặc trưng cơ bản về nhân thân những người phạm tội này đa số có nghề nghiệp là nông dân, trình độ học vấn thấp. Những người có nhân thân như Đảng viên, cán bộ công chức, chiếm tỷ lệ rất thấp. Trong 5 năm từ 2011 đến 2015 chỉ có 01 trường hợp là Đảng viên, cán bộ công chức phạm loại tội này. Người phạm tội đa phần là người từ nơi khác đến, là người dân tộc thiểu số hoặc những người lao động chân tay, làm nông, thiếu hiểu biết về pháp luật chiếm tỷ lệ cao trong loại tội phạm này.

Ví dụ: 21 giờ 30 phút ngày 29/10/2011 tại công trường xây dựng Vincom, ông Liên là thợ xây dựng đang ở tại lán hoa lan 6 của công trường. Tại đây Hùng,

Lợi, Quang, Hùng cùng Thêm, Long, Kiện đều là thợ xây dựng đang ở lán Hoa Lan 5 góp tiền mua rượu về uống. Sau khi uống rượu những người trong lán Hoa lan 5 có cái nhau gây mất trật tự trong khu vực lán Hoa Lan 5 và 6. Lúc này Hùng nghe thấy có tiếng một người đàn ông nói: “*chúng mày định làm loạn à*” thấy vậy Hùng liền rủ mọi người trong lán Hoa Lan 5 có tên trên đi tìm người nói câu nói trên để đánh. Khi tới lán Hoa Lan 6 ông Liên đang đứng ở đó, cho rằng ông Liên là người đã nói câu nói trên nên cả nhóm xông vào đánh. Quang và Hùng dùng chân tay đâm đá đánh ông Liên, cùng lúc Hùng dùng một thanh gỗ vọt 2 phát vào bụng và ngực ông Liên, tiếp đó Lợi cũng cầm một thanh gỗ vọt một nhát xuống phía đầu ông Liên làm ông Liên bị thương phải đi bệnh viện cấp cứu. Kết luận giám định thương tích ông Liên thương tích với tỷ lệ thương tật là 31%. Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã ra quyết định truy tố Lợi, Quang và Hùng tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 3 Điều 104 BLHS 1999.. Hội đồng xét xử đã cân nhắc về nhân thân của các bị cáo trên đều là người dân tộc Thái, học vấn 5/12, bản thân các đối tượng đều chưa có tiền án, tiền sự. Tòa án nhân dân quận Long Biên đã xét xử mỗi bị cáo 5 năm tù theo khoản 2 Điều 104 BLHS 1999.

Một ví dụ khác: Ngày 24/5/2013, tại bến xe Gia Lâm, Nghĩa và Long đều là xe ôm ở đây. Khi xe bus số 22 dừng xuống bến trả khách, cả 2 người đều lao ra cửa để đón khách đi xe ôm. Tuy nhiên Nghĩa và Long do tranh giành khách đã xô xát, sẵn có xích mích từ trước, Nghĩa đã cầm viên gạch dưới chân đập 01 cái vào đầu Long khiến Long bất tỉnh. Long bị thương tích tỷ lệ 31%. TAND quận Long Biên đã xét xử Nghĩa 7 năm tù về tội Cố ý gây thương tích theo khoản 3 Điều 104.[47]

So sánh hai vụ án trên, có thể thấy cùng tính chất nguy hiểm hành vi như nhau, 2 bị hại cùng thương tích 31%, nhưng Tòa án đã cân nhắc về nhân thân của người phạm tội để đưa ra hình phạt hợp lý nhất.

Trong quá trình xác định nhân thân của người phạm tội cố ý gây thương tích trong thời gian qua, nhìn chung các cơ quan tiến hành tố tụng không gặp phải khó khăn, vướng mắc gì. Tuy nhiên còn một số ít các vụ án (3/102 vụ chiếm 2%), do

xác định nhân thân không đúng nên việc quyết định hình phạt còn quá nhẹ, hoặc quá nặng.

Ví dụ như vụ án : Ngày Khoảng 21h ngày 20/6/2014 Hùng và Đức ngồi hàng nước của nhà Thế Anh ở đầu đường Cổ Linh nhìn thấy Huy đi xe đạp qua (Hùng và Huy có xích mích từ trước. Hùng hỏi Đức: “*Huy vầu kia, có đánh nó không?*” Đức đồng ý và lấy xe máy Hùng đuổi theo Huy. Khi đi đến đoạn đối diện khu công nghiệp Hanel thì Đức chở Hùng vượt lên trên chặn xe của Huy lại. Hùng xuống xe dùng tay chân đấm đá vào đầu và người Huy, Đức dựng xe cũng xông vào dùng chân tay đấm đá vào người Huy. Được sự can ngăn của 02 người đi đường nên nhóm Hùng, Đức thôi không đánh Huy nữa và lên xe bỏ đi. Theo kết luận giám định thương tích, tỷ lệ thương tật của Huy là 22%. Tại phiên tòa sơ thẩm TAND Q. Long Biên đã xem xét đến nhân thân của Hùng và Đức, cả 2 bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, và cả 2 người trình độ văn hóa chỉ 9/12, nên Tòa án đã xét xử Hùng, Đức về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 1 Điều 104 BLHS 1999 với mức phạt dành cho mỗi bị cáo là 6 tháng tù cho hưởng án treo. [53]. Bị hại trong vụ án trên đã kháng cáo, và Tòa án phúc thẩm đã xử lại mỗi bị cáo 12 tháng tù và không cho hưởng án treo. HĐXX phúc thẩm cho rằng Hùng và Đức đều ở nhà, không lao động, hơn nữa bố mẹ đều đang đi làm nên Tòa sơ thẩm quyết định hình phạt như vậy là không đúng [54].

Khi xem xét nhân thân người phạm tội, HĐXX phải cân nhắc cả các đặc điểm nhân thân tốt, cả các đặc điểm nhân thân xấu, đồng thời phải đánh giá được diễn biến nhân cách của họ, khả năng cải tạo, khả năng hòa nhập với cộng đồng sau khi chấp hành xong hình phạt tù, cũng như các vấn đề ảnh hưởng đến quá trình cải tạo của họ trở thành người có ích cho xã hội. Trong bản án phải phản ánh được nội dung các yếu tố về nhân thân của người phạm tội ngoài những trường hợp mà BLHS quy định mà Tòa án làm căn cứ quyết định hình phạt. Nghiên cứu 102 vụ án phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn quận Long Biên cho thấy, ngoài những bị cáo có nhiều tiền án, tiền sự (60/146 bị cáo), thì những bị cáo còn lại đa số đều là những người có nhân thân tốt,

chỉ vì một phút nông nổi, hoặc do sử dụng rượu, bia đã không kiểm chế được mình mà gây ra hậu quả đáng tiếc.

Đối với người chưa thành niên phạm tội các yếu tố thuộc về nhân thân là căn cứ vô cùng quan trọng để Tòa án cân nhắc khi quyết định hình phạt. Đối với người chưa thành niên phạm tội thì các yếu tố như độ tuổi, trình độ văn hóa, lịch sử bản thân và hoàn cảnh gia đình là những yếu tố có ý nghĩa trực tiếp đến hành vi phạm tội của họ.

Về độ tuổi, ngoài những quy định của Điều 12 BLHS về tuổi chịu TNHS thì trong độ tuổi chịu TNHS, nếu các tình tiết khác của vụ án như nhau thì tuổi càng nhỏ hình phạt phải càng nhẹ. Người chưa thành niên có học, nhận thức về tính nguy hiểm cho xã hội sẽ bị mức hình phạt cao hơn so với người không có học thức, dễ bị dụ dỗ, lôi kéo. Một đứa trẻ mồ côi, lang thang, không nơi nương tựa bị cha mẹ bỏ rơi hoặc cha mẹ ly hôn thì lịch sử bản thân khác với một người phạm tội chưa thành niên có gia đình giàu có, đầy đủ cha mẹ yêu thương, hòa thuận.

Trong 5 năm từ 2011 đến 2015, Tòa án nhân dân quận Long Biên chỉ tuyên mức hình phạt cao nhất được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là 24 tháng tù.

2.2.2.5. Quyết định hình phạt đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS

Như đã phân tích ở trên, các căn cứ quyết định hình phạt, theo quy định tại Điều 45 BLHS 1999, thì khi quyết định hình phạt, Tòa án không chỉ căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, mà còn phải căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS. Như vậy, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS cũng là một trong những căn cứ quyết định hình phạt. Các yếu tố giảm nhẹ và tăng nặng TNHS được quy định cụ thể tại Điều 46 và Điều 48 BLHS 1999. Tuy nhiên, đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, có quy định 10 tình tiết định khung tăng nặng, chính vì vậy những tình tiết là định khung tăng nặng thì không được coi là tình tiết tăng nặng TNHS và các tình tiết giảm nhẹ cũng tương tự.

Đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn quận Long Biên, những tình tiết tăng nặng TNHS chủ yếu là các tình tiết định khung tăng nặng, chính vì vậy, những bị cáo bị áp dụng Điều 48 BLHS chiếm tỷ lệ rất ít (chỉ có 6/146 bị cáo, chiếm 4,1%) . Những tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại Điều 46 BLHS, theo khảo sát của tác giả cho thấy, đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tất cả các vụ án HĐXX đều áp dụng tình tiết giảm nhẹ, tùy theo tình tiết của vụ án mà tình tiết giảm nhẹ được áp dụng nhiều hay ít. Trường hợp ít nhất cũng áp dụng một tình tiết giảm nhẹ đó là tình tiết quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS : *“người phạm tội thành khẩn khai báo”*.

Thêm vào đó tình tiết quy định tại điểm “b” khoản 1 Điều 46 : *“người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả”* cũng được sử dụng nhiều. Nghiên cứu các tình tiết áp dụng cho các bị cáo phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn quận Long Biên cho thấy, có 70/146 (chiếm 48%) bị cáo tại phiên tòa hay trước đó trong giai đoạn điều tra, truy tố, đều tình nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị xâm phạm về sức khỏe, tính mạng, có nhiều trường hợp đền bù bằng tiền, có những trường hợp đền bù bằng hiện vật. Ví dụ như: Trong vụ án Tâm gây thương tích Quý xảy ra tại bờ sông Hồng, sau khi ra đầu thú, vì nhà nghèo, không có tiền, nên vợ Tâm đã đến nhà Quý và đền bù 01 con trâu của nhà mình, tại phiên tòa, bị cáo ăn năn, do trong lúc không làm chủ được mình đã đánh Quý, Tòa đã áp dụng tình tiết điểm b khoản 1 Điều 46 để tuyên phạt Tâm 6 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng [48]. Hay như trong vụ án: Cố ý gây thương tích giữa Tuấn và Hùng tại quán bia Xuân Hùng, Tuấn sau khi say đã đâm Hùng 01 cái nhưng không may lại trúng mũi, khiến Hùng bị gãy mũi, thương tích 8%, liền sau đấy, Tuấn đã bình tĩnh và đưa Hùng đi bệnh viện chữa trị. Tòa án cũng đã căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 46: *“người phạm tội tự nguyện sửa chữa”*, việc Tuấn đưa Hùng đi bệnh viện coi như phần nào khắc phục hậu quả do hành vi mình gây ra [49].

Tuy chiếm tỷ lệ không đáng kể, song trong thực tiễn quyết định hình phạt tại TAND Q. Long Biên vẫn còn những vi phạm, sai lầm. Những vi phạm, sai lầm không phải trong chọn loại hình phạt mà chủ yếu là trong việc vận dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ dẫn quyết định hình phạt quá nhẹ hoặc quá nặng, và đặc biệt khi có cả tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ. Ví dụ: Ngày 15/9/2011, Hải đi hát Karaoke với bạn tại quán Lion. Khi đến quán, Hải gặp Hiếu là bạn cũ của mình, Hải với Hiếu đã có xích mích từ trước do chuyện tiền nong không sòng phẳng. Khi lên phòng được 15 phút, Hải ra ngoài đi vệ sinh thì thấy Hiếu cũng đang đi vệ sinh trong đó. Hải nói “Mày say rượu nhìn như đàn bà”, Hiếu nghe thấy nhưng không đã động gì, thấy Hiếu không để ý lời mình nói, Hải lấy chai bia đập vào đầu Tuấn, sau đó còn lấy chân đá thêm 02 cái khiến Tuấn bất tỉnh nằm trên sàn. Tuy nhiên ngay sau đó, Hiếu đã báo nhân viên lên đưa Tuấn đến bệnh viện, và Hiếu gọi điện xin lỗi bố mẹ Hiếu. Tại bệnh viện Tuấn có tỷ lệ thương tích 11%. TAND Q.Long Biên đã xem xét tình tiết giảm nhẹ của Hiếu là “*người phạm tội thành khẩn khai báo*” và xử phạt Hiếu 6 tháng tù theo quy định tại khoản 1 Điều 104 với tình tiết giảm nhẹ trên. Tuy nhiên, Tuấn đã kháng cáo và TAND TP. Hà Nội đã xét xử phúc thẩm lại vụ án trên, cho rằng TAND Q.Long Biên áp dụng tình tiết giảm nhẹ như vậy không đúng vì hành vi của Hiếu là “*phạm tội có tính chất côn đồ*” quy định tại điểm “d” khoản 1 Điều 48 BLHS [50]

2.3. Một số khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng Bộ luật hình sự đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

2.3.1. Những khó khăn, vướng mắc về định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

* Về xác định nội hàm của khái niệm “*hung khí nguy hiểm*” trong tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 BLHS)

Ngoài các loại hung khí nguy hiểm đã được Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS xác định là: búa đinh, dao phay, các loại dao sắc,

nhọn...; thanh sắt mài nhọn, côn gỗ...; gạch, đá, đoạn gãy cứng, chắc, thanh sắt...thì còn rất nhiều loại hung khí khác cũng có khả năng gây hậu quả nguy hiểm mà không thể liệt kê ra hết được. Điều đó có nghĩa nội hàm của khái niệm “hung khí nguy hiểm là rất rộng”. Trong hướng dẫn của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sử dụng dấu “...” khiến cho các cơ quan tiến hành tố tụng rất lúng túng trong việc xác định hung khí nào là nguy hiểm, hung khí nào là không nguy hiểm. Do đó, sự đánh giá, nhận xét cũng khác nhau, việc vận dụng pháp luật mỗi ngành, mỗi địa phương khác nhau. Điều đó làm cho việc xử lý chưa thống nhất, dễ dẫn đến việc bỏ lọt tội phạm hoặc oan sai trong quá trình giải quyết vụ án, dẫn đến tiêu cực trong việc xử lý đúng đắn vụ án. Ví dụ như trong vụ án tác giả đưa ra ở phần 2.1.2.2, tang vật của vụ án là “*chiếc cốc*”, chỉ là một vật dụng mà chúng ta vẫn sử dụng hằng ngày để uống nước, song lại là tang vật trong vụ án hình sự.

Như đã phân tích ở trên, trong những vụ án có tỷ lệ gây thương tích dưới 11%, và yếu tố “hung khí nguy hiểm” là yếu tố quyết định để có thể cấu thành tội phạm, việc này khiến cho cơ quan tiến hành tố tụng trong khi thực hành sẽ bối rối.

** Về tình tiết gây cố tật nhẹ cho nạn nhân:*

Thực tiễn công tác điều tra, truy tố, xét xử, tình tiết gây cố tật nhẹ hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn áp dụng tình tiết gây cố tật mà tỷ lệ thương tật trên 11%. Tại Q. Long Biên, nếu gây cố tật mà tỷ lệ thương tật trên 11% thì không áp dụng tình tiết định khung để áp dụng theo khoản 2 và 3 Điều 104 BLHS, mà chỉ truy cứu TNHS theo tỷ lệ thương tật thực tế, bởi vì BLHS năm 1999 không quy định tình tiết gây cố tật nặng nên không được áp dụng vì sẽ gây bất lợi cho bị can, bị cáo. Nhưng chính vì lẽ đó khi định tội danh và QĐHP chưa được đúng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội.

Ví dụ: Ngày 09/02/2014, tại đường đê Ngọc Thụy, Thùy đã tạt đầu và xuống đánh Thu. Tại bản kết luận giám định kết luận Thu bị: Vỡ xương sọ vùng trán đỉnh, máu tụ dưới màng cứng không có di chứng thần kinh: 25%; gãy ngang trên lồi cầu xương cánh tay trái, nguy cơ hạn chế vận động khừ tay: 21%; gãy xương bàn ngón 01 tay trái lộ khớp, nguy cơ cứng khớp đốt bàn: 11%; tỷ lệ tổn hại sức khỏe 47%.

VKSND Q. Long Biên đã truy tố Thùy theo quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS . TAND Q. Long Biên đã quyết định xử phạt Thùy 5 năm theo khoản 2 Điều 104 BLHS. [51]. Có thể thấy hành vi của Thùy đã gây cố tật cho Thu, tuy nhiên các cơ quan tiến hành tố tụng không áp dụng tình tiết “*gây cố tật nhẹ*” vì theo Nghị quyết 02/NQ – HĐTP hướng dẫn chỉ những trường hợp mà tỷ lệ thương tật dưới 11%.

- *Vấn đề hướng dẫn áp dụng tình tiết “phạm tội nhiều lần đối với cùng một người” tại điểm c khoản 1 Điều 104 BLHS vẫn còn nhiều bất cập.*

Phân tích Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về tình tiết “*phạm tội nhiều lần đối với cùng một người*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 104 BLHS tác giả nhận thấy tại điểm b.2 Nghị quyết số 01/NQ – HĐTP ngày 12/5/2006 hướng dẫn: “*Trường hợp trong các lần đó chỉ có một người một lần tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30%, còn các lần khác tỷ lệ thương tật đều dưới 11% thì bị cáo cũng chỉ bị xét xử theo khoản 1 Điều 104 BLHS*”. Tại điểm c.2 của Nghị quyết hướng dẫn: “*Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của hai người trở lên (có thể một lần, có thể nhiều lần đối với mỗi người) mà trong đó có ít nhất hai người và mỗi người một lần tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30%.*” thì sẽ xét xử bị cáo theo khoản 2 Điều 104 BLHS.

Chúng ta thấy nếu tuân theo các hướng dẫn này sẽ dẫn đến trường hợp hành vi nguy hiểm hơn lại được xử theo khoản 1 Điều 104 BLHS, trong khi hành vi ít nguy hiểm hơn lại bị xử theo khoản 2 của điều luật này.

- Trường hợp 1: A đã nhiều lần gây thương tích cho B, trong đó có một lần B bị thương tật 15%, còn những lần khác là: lần 2 B bị thương tật 9%, lần 3 B bị thương tật 9%, lần 4 B bị thương tật 7%, lần 5 B bị thương tật 5% và lần 6 B bị thương tật 5%, tổng tỷ lệ thương tật A gây ra cho B là 50% thì A chỉ bị xét xử theo khoản 1 Điều 104 BLHS.

- Trường hợp 2: E đã nhiều lần gây thương tích cho nhiều người trong đó F bị thương tật 11%, G bị thương tật 12%, tổng tỷ lệ thương tật 23% thì E bị xét xử theo khoản 2 Điều 104 BLHS.

Hai trường hợp trên cho thấy hành vi cố ý gây thương tích của A nguy hiểm hơn hành vi cố ý gây thương tích của E rất nhiều, bởi lẽ A gây thương tích rất nhiều lần cho B(6 lần) và tổng tỷ lệ thương tật rất cao là 50%, nhưng A chỉ bị xét xử theo khoản 1. Trong khi đó hành vi của E chỉ gây thương tích cho hai người, với tổng tỷ lệ thương tật 22% nhưng E lại bị xét xử theo cấu thành tăng nặng khoản 2 Điều 104 BLHS 1999.

Việc không khống chế mức tối đa các lần phạm tội hoặc khống chế mức thương tích tối đa gây ra cho nạn nhân để xác định yếu tố định khung, dẫn đến trường hợp hành vi có tính nguy hiểm cao lại bị áp dụng hình phạt nhẹ hơn hành vi có tính nguy hiểm thấp. Điều này là không phù hợp thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm.

** Tình tiết “Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác” quy định tại khoản 4 Điều 104 BLHS*

Sau khi BLHS năm 1999 có hiệu lực pháp luật, đã có nhiều văn bản hướng dẫn áp dụng BLHS. Trong đó, có hướng dẫn về tội “*Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*” quy định tại Điều 104 BLHS. Tuy nhiên đối với khoản 4 Điều 104 BLHS thì cho đến nay chưa có hướng dẫn, nhất là đối với trường hợp “*Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác*”. Do đó, thực tiễn xét xử hầu như các cơ quan tiến hành tố tụng rất ít áp dụng tình tiết này khi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội quy định tại Điều 104 BLHS .

Vậy hiểu thế nào là “*Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác*” đối với khoản 4 Điều 104 BLHS. Đây là vấn đề không đơn giản, không phải vì chưa có giải thích hoặc hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền, mà nội dung tình tiết phạm tội này cũng khá đặc biệt. Vấn đề đặt ra là cần xác định nội hàm cụ thể của tình tiết này để có cơ sở pháp lý cho việc thống nhất nhận thức và áp dụng trong thực tiễn điều tra, truy tố và xét xử.

Tại địa bàn quận Long Biên trong thời gian qua chưa có vụ án vào TAND áp dụng khoản 4 Điều 104 với tình tiết “*Phạm tội trong trường hợp nghiêm trọng khác*”, tuy nhiên trong khi nghiên cứu đề tài, tác giả nhận thấy đây là vấn đề cần

được các nhà làm luật đưa ra văn bản hướng dẫn để trong thực tiễn có thể áp dụng mà không phạm phải sai sót.

** Bất cập từ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về vấn đề khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại (quy định tại Điều 105 của Bộ luật tố tụng hình sự)*

“Người bị hại là người bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra.”. Người bị hại có vai trò quan trọng trong tố tụng hình sự, họ là người bị hành vi phạm tội xâm phạm gây thiệt hại. Bởi vậy, họ tham gia tố tụng với địa vị pháp lý là người được Nhà nước bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp. Khi tham gia tố tụng người bị hại có những quyền năng pháp lý nhất định, thông qua việc thực hiện những quyền năng pháp lý này, người bị hại đã đưa ra những thông tin, lập luận, yêu cầu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị hành vi phạm tội xâm hại. Ngoài ra, trong các vụ án thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu bị hại thì yêu cầu khởi tố của người bị hại là căn cứ làm phát sinh việc khởi tố vụ án hình sự. Nếu không có yêu cầu của người bị hại thì cơ quan có thẩm quyền không thể khởi tố vụ án được. Ý chí của người bị hại cũng là căn cứ để chấm dứt việc truy cứu trách nhiệm hình sự thể hiện ở việc người bị hại rút yêu cầu khởi tố trước khi mở phiên tòa, nếu việc rút yêu cầu đó không do ép buộc. Trong thời gian qua tại địa bàn quận Long Biên, CQĐT đã tiếp nhận 368 tin báo về hành vi cố ý gây thương tích, tuy nhiên trong đó có 85 tin báo CQĐT đã ra quyết định “không khởi tố vụ án”. Trong đó, có đến 30/85 vụ việc trên, nguyên nhân CQĐT phải ra quyết định không khởi tố vụ án là vì bị hại không chịu đi giám định, từ đó tồn tại một vấn đề là: người bị hại vẫn gửi đơn tố giác việc bị gây thương tích, nhưng lại không chịu giám định thương tích, hoặc là một thời gian lâu sau khi sự việc bị gây thương tích xảy ra mới đi giám định, khiến cho kết quả không còn chính xác và khách quan.

Trường hợp khác: Vụ án có nhiều người tham gia tố tụng nhưng nạn nhân chỉ bãi nại cho mỗi mình người chủ mưu. Theo luật, đối với những người cố ý gây thương tích theo khoản 1 Điều 104 BLHS 1999, cơ quan chức năng chỉ được khởi tố theo yêu cầu của nạn nhân. Như vậy, nạn nhân bãi nại cho người chủ mưu thì không thể khởi tố người này. Nhưng nếu chỉ đem những người thực hành, giúp sức

ra xử lý thì sẽ bất công vì vai trò của người chủ mưu nặng hơn họ rất nhiều mà lại không hề hấn gì. Ví dụ: Ngày 13/4/2015, Cường rủ Thành đi uống bia. Khi đến nơi Thành gọi ra 5 chiếc cốc không đặt trên bàn. Vì có xích mích từ trước nên Cường cho rằng Thành chuẩn bị đánh mình. Cường liền cầm 01 chiếc đập vào đầu Thành và bỏ chạy theo hướng ngược lại. Cường gọi cho Giang là em họ mình đến ứng cứu. khoảng 5 phút sau, Giang đến và lấy trong cốp xe của mình 01 chiếc ống nước kềm đường kính 2cm dài 60cm và lao vào đánh Thành. Thành bị đánh và nằm ngất tại trước cửa quán, sau đó được anh Nam là chủ quán đưa đi cấp cứu. Tại bệnh viện Thành được xác định với tỷ lệ thương tích 10%. Nhưng ngay sau đó, Cường đã nhờ mẹ mình (mẹ Giang và mẹ của Thành có quen biết nhau từ trước) đến bệnh viện thăm nom và chi trả thuốc men, viện phí. Tuy nhiên, Thành vẫn làm đơn tố cáo Giang, và cho rằng Giang là người đánh mình nhiều hơn cả. Khi Giang được triệu tập lên làm việc, Giang khai “vì Cường gọi Giang đến nên Giang mới đến” và cho rằng mình chỉ trong vai trò giúp sức trong tình huống này (Trích hồ sơ tin báo 258 thụ lý ngày 15/4/2015 VKSND Q. Long Biên) Người nhà Giang sau đó đã đến đề xin được bồi thường, ngày 16/4/2015 Thành rút đơn tố cáo. Vậy, tác giả đặt ra tình huống, nếu Thành không rút đơn yêu cầu, vậy Cơ quan CSĐT có ra quyết định khởi tố vụ án với Giang không, và nếu ra quyết định khởi tố thì đánh giá vai trò của Cường trong trường hợp này như thế nào?

** Hạn chế trong đánh giá chứng cứ*

Trong một vụ án “*Có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*” thì một yêu cầu bắt buộc đó là xác định tỷ lệ thương tật của nạn nhân. Việc này do cơ quan giám định thực hiện theo trung cầu giám định của cơ quan tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, trên thực tế, thời hạn giám định kéo dài làm ảnh hưởng đến thời hạn tố tụng, và ảnh hưởng việc đến đánh giá khách quan của vụ án. Ngoài ra, có nhiều vụ án, lúc đầu nạn nhân đồng ý giám định. Do mới chỉ có tỷ lệ thương tật tạm thời, cơ quan tiến hành tố tụng phải chờ cho đến khi có tỷ lệ thương tật vĩnh viễn để xử lý chính xác. Thời gian này, nạn nhân lại không hợp tác để có kết quả giám định cuối cùng, gây khó khăn cho việc giải quyết án.

2.3.2 Những khó khăn vướng mắc về QĐHP đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Trong những năm vừa qua, đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán đã rất tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; hoàn thành rất tốt nhiệm vụ chính trị được Đảng và nhà nước được giao cho. Cụ thể tổng số Kiểm sát viên của VSKND quận Long Biên hiện nay là 15 người thì có đến 9 người có trình độ thạc sỹ; 7 người có trình độ cao cấp lí luận chính trị.

Đội ngũ tiến hành tố tụng tại quận Long Biên ở hai cơ quan Viện Kiểm sát và Tòa án luôn hoàn thành tốt công việc được giao và đảm bảo tất cả các vụ án được đưa ra xét xử. Tuy nhiên trong thực tiễn QĐHP, đội ngũ tiến hành tố tụng ở Long Biên vẫn gặp phải những khó khăn, hạn chế xuất phát từ cả từ quy định của pháp luật, và cả từ phía những cá nhân tham gia tiến hành tố tụng.

2.3.2.1. Những hạn chế, vướng mắc trong các quy định của pháp luật

- Khoảng cách giữa mức tối thiểu và mức tối đa của khung hình phạt là quá rộng.

Có thể thấy khi quy định về các tội danh nói chung và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng, có khoảng cách giữa mức thấp nhất và mức cao nhất của các khung hình phạt thường khá rộng. Khung hình phạt tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 104 BLHS 1999 cho thấy rõ điều đó. Quy định này có ưu điểm là tạo thuận lợi cho những người tiến hành tố tụng, nhất là Hội đồng xét xử có thể lựa chọn được mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của từng hành vi phạm tội cụ thể. Tuy nhiên, trong điều kiện trình độ chuyên môn của những người tiến hành tố tụng còn có những hạn chế nhất định, mặt khác, nhận thức của từng người đối với các tình tiết của vụ án lại có sự khác nhau, hơn nữa vẫn còn một số bất cập hạn chế trong các quy định của pháp luật... Tất cả những điều đó đã tạo nhiều khó khăn, vướng mắc trong QĐHP, tạo ra nhiều trường hợp có sự “vênh nhau” giữa luận tội tại phiên tòa của VKSND và quyết định của HĐXX, giữa cấp sơ thẩm và phúc thẩm khi vận dụng các tình tiết làm căn cứ quyết định hình phạt.

Ví dụ: Ngày 14/9/2012, khi đang đi từ chỗ làm về nhà, Dũng tạt qua quán nước của bà Mai để mua thuốc lá. Tại đây, Dũng gặp Tùng, khi vừa nhìn thấy Dũng, Tùng lao đến tát vào mặt và nói “*tối nay mày không trả tao tiền mày chết*”. Dũng tức tối ra về, và gọi điện cho Huỳnh và Tuấn là bạn cùng phòng trọ. Cả 3 ngồi bàn kế hoạch trả thù Tùng. Sau một lúc nghĩ lại, Tuấn đã quyết định không tham gia nhưng Dũng nài nỉ và nói “*mày chỉ cần lái xe chở tao với thằng Huỳnh thôi, còn lại bọn tao lo*”. Tuấn lấy xe máy chở Dũng và Huỳnh đi vòng lại quán nước, không thấy Tùng ở đó, cả bọn lại vòng lại đi đường về nhà Tùng, thấy Tùng đang đi bộ từ xa, Tuấn lái xe áp sát, Dũng và Huỳnh nhảy xuống, Huỳnh đá vào sau lưng Tùng, lúc này Dũng rút chiếc dao gọt hoa quả cất ở trong người chém Tùng 2 nhát rồi cả bọn lên xe bỏ đi. Tùng được người đi đường phát hiện đưa đi cấp cứu. Thương tích 15%. VKS đã truy tố Dũng, Huỳnh, Tuấn theo khoản 2 Điều 104 BLHS với mức hình phạt như sau: Dũng và Huỳnh mỗi bị cáo 3 năm đến 4 năm, Tuấn từ 2 đến 3 năm. Tại bản án 50/HSST/2013 ngày 15/3/2013, HĐXX xử phạt Dũng 4 năm tù, Huỳnh 3 năm, Tuấn 2 năm. Cả 3 bị cáo đã làm đơn xin kháng cáo, HĐXX phúc thẩm đã xét xử theo hướng không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và tuyên giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tác giả đồng ý với quan điểm của TAND Q. Long Biên và TAND TP. Hà Nội, trong vụ án này, Tuấn là người khởi xướng hành vi gây thương tích, vì vậy Tuấn phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác là hợp lý.

- Vương mắc trong áp dụng Điều 47 BLHS 1999

Một vướng mắc nữa trong việc quyết định hình phạt đó là vẫn còn có những nhận thức và cách áp dụng khác nhau về quy định của Điều 47 BLHS. Điều 47 BLHS 1999 quy định “*khi có ít nhất 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của BLHS này*” mà không kèm theo quy định “*không có tình tiết tăng nặng hoặc tuy có nhưng mức độ tăng nặng không đáng kể*” thì Tòa án có thể quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt... Điều này dẫn đến trường hợp nếu bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ thậm chí có ba, bốn tình tiết giảm nhẹ nhưng lại có nhiều tình tiết tăng nặng và mức độ tăng nặng của các tình tiết đó là đáng kể thì Tòa

án có được áp dụng Điều 47 BLHS để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo hay không.

Ví dụ: Ngày 25/7/2014 tại bến xe bus, Hải đánh Sơn thương tích 15%, sau đó bỏ về nhà, người dân đã đưa Sơn đi cấp cứu. Một lúc sau, Hải đã đến CA quận đầu thú. Hải đã có 01 tiền án về tội cướp tài sản nhưng chưa được xóa án tích. Tuy nhiên khi xét xử, Tòa đã áp dụng 2 tình tiết giảm nhẹ tại Điều 46 BLHS là “*Người phạm tội tự thú*” và “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” và vẫn cho Hải được áp dụng điều 47 BLHS. Sau khi xét xử, Tòa phúc thẩm đã tuyên hủy bản án sơ thẩm vì cho rằng Hải phạm vào trường hợp “tái phạm” là khung tăng nặng quy định tại Điều 48 BLHS hơn nữa việc Hải đánh Sơn ở bến xe bus lúc đó có rất nhiều người nhìn thấy, nên việc A lên công an tự thú không thể coi là “*người phạm tội tự thú*”. [52]

2.3.2.2. Hạn chế trong hoạt động điều tra.

Trong thời gian qua, tại quận Long Biên, những vụ án tội “*Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*” bị Tòa án ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung chiếm tỷ lệ không nhỏ. Kết quả thống kê về số vụ Tòa án trả để điều tra bổ sung như sau:

Bảng 2.4. Bảng thống kê vụ Tòa án trả điều tra bổ sung (2011 – 2015)

Năm	Tổng số vụ trả ĐTBS (Tòa trả)	Số vụ tội 104 trả ĐTBS (Tòa trả)	Tỷ lệ %
2011	16	4	25%
2012	14	3	21%
2013	17	4	24%
2014	12	3	25%
2015	18	5	27%

Nguồn: Báo cáo thống kê VKSND quận Long Biên

Bảng 2.5. Bảng thống kê nội dung vụ án trả điều tra bổ sung (2011 – 2015)

Năm	Số vụ tội 104 trả ĐTBS (Tòa trả)	Nguyên nhân		
		Phát sinh tình tiết mới	Vi phạm thủ tục tố tụng	Lý do khác
2011	4	3	0	1
2012	3	3	0	0
2013	4	4	0	0
2014	3	3	0	0
2015	5	4	0	1

Nguồn: Báo cáo thống kê VKSND quận Long Biên

Qua bảng số liệu trên, có thể thấy số vụ án “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác” trả ĐTBS tại tòa là tương đối nhiều, chiếm hơn 20% số vụ, đặc biệt năm 2015 là cao nhất là 27%. Tuy nhiên nguyên nhân trả không xuất phát từ thủ tục tố tụng, mà chủ yếu là do tình tiết mới như : bị cáo khai thêm đồng phạm, bị cáo khai không đúng với lời khai ban đầu...Điều này cho thấy hoạt động điều tra đã có những hạn chế nhất định dẫn đến không làm rõ được các tình tiết vụ án.Điều này đã ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt của Tòa án.

Kết luận chương 2

Từ thực tiễn định tội danh và QĐHP về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tại TAND quận Long Biên trong thời gian qua cho thấy các cơ quan tiến hành tố tụng về cơ bản đã có sự thống nhất trong nhận thức và áp dụng pháp luật. Đã vận dụng tốt các lý luận về định tội danh vào thực tiễn, mà đặc biệt là các dấu hiệu mô tả cấu thành tội phạm của tội danh này, cũng như các tình tiết định tội, định khung của điều luật được áp dụng triệt để, có tính khả thi và

tính thực tiễn cao. Việc QĐHP cũng đảm bảo các nguyên tắc và căn cứ pháp lý khi tuyên án.

Tuy nhiên, qua quá trình giải quyết các vụ án cho thấy vẫn còn những quy định chưa rõ ràng, có những vấn đề chưa được quy định dẫn đến việc áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự còn nhiều ý kiến, quan điểm khác nhau, ảnh hưởng lớn đến quá trình định tội danh và QĐHP đối với người phạm tội, tác giả đã chỉ ra những khó khăn, vướng mắc khi áp dụng điều luật này và đưa ra các giải pháp để hoàn thiện tại chương 3.

Chương 3

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ TỘI CÓ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC

Từ sau năm 2000, Nhà nước ta thực hiện chủ trương cải cách tư pháp theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng và các Nghị quyết của Bộ Chính trị như: Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới; nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Đây là những định hướng quan trọng cho việc nghiên cứu, hoàn thiện các quy định của BLHS nhằm thể chế hóa quan điểm mới về chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta trong tình hình hiện nay.

Sự phát triển, bổ sung và đề cao quyền con người, quyền cơ bản của công dân trong Hiến pháp năm 2013 cũng đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện các quy định của BLHS hiện hành, làm cho các quyền này của người dân được thực hiện trên thực tế. Theo đó, một mặt, BLHS phải xử lý nghiêm các hành vi xâm hại các quyền con người, quyền cơ bản của công dân; đồng thời cũng cần nghiên cứu, đề xuất sửa đổi hệ thống hình phạt theo hướng đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội.

Việc hoàn thiện BLHS còn là yêu cầu của hội nhập quốc tế mà Việt Nam đã tham gia nhiều tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực và đã trở thành thành viên của nhiều điều ước quốc tế đa phương, trong đó có các công ước về phòng chống tội phạm. Việt Nam đã đàm phán và ký kết nhiều hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự và hiệp định dẫn độ với các nước trên thế giới. Bên cạnh đó, về mặt kỹ thuật lập pháp, BLHS hiện hành còn gây khó khăn trong công tác điều tra, truy tố và xét xử tội phạm. Do vậy, có thể thấy, việc nghiên cứu sửa đổi một cách toàn diện BLHS thời gian qua là một đòi hỏi cấp bách của thực tiễn. BLHS mới thông qua đã phân

nào khắc phục được một số khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn. Tuy nhiên, để các quy định sửa đổi, bổ sung trong BLHS mới phát huy tác dụng thì rất cần có các văn bản hướng dẫn kịp thời, bảo đảm có thể áp dụng thuận lợi các quy định này. Sau đây tác giả xin đưa ra một số biện pháp cụ thể:

3.1. Hoàn thiện quy định về tình tiết định tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

3.1.1. Bỏ quy định “khởi tố theo yêu cầu của người bị hại” đối với những vụ án về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Đối với hành vi cố ý gây thương tích, người phạm tội đã xâm phạm khách thể quan trọng đó là sức khỏe con người với hình thức lỗi cố ý. Mặt khác, các hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thường diễn ra công khai, trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Điều 104 BLHS quy định tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên là tỷ lệ cần thiết để truy cứu TNHS. Tuy nhiên, trong thực tế có một số trường hợp tỷ lệ thương tật không đến 11% nhưng lại thuộc một trong những trường hợp quy định tại điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104 thì hành vi đó vẫn bị truy cứu TNHS. Còn nếu tỷ lệ thương tật dưới 11% không gây cố tật thì được coi là thương tích nhẹ, chưa phải chịu TNHS. Mặt khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 105 BLTTHS năm 2003 thì các cơ quan tiến hành tố tụng chỉ được khởi tố vụ án nếu người bị hại có đơn yêu cầu, trong đó có các vụ án thuộc khoản 1 Điều 104 BLHS. Theo chúng tôi, quy định trên của BLTTHS năm 2003 là không hợp lý, bởi lẽ: Cũng theo quy định của pháp luật, một số tội chiếm đoạt tài sản (công nhiên chiếm đoạt tài sản, trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản...), người phạm tội chiếm đoạt tài sản từ 2.000.000đ trở lên thì đã bị khởi tố, truy tố và xét xử mà không cần phải có yêu cầu của người bị hại, trong khi đó tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có trường hợp, người bị hại phải điều trị hết cả chục triệu đồng thì lại phải có đơn yêu cầu của người bị hại thì cơ quan có thẩm quyền mới được khởi tố, truy tố và xét xử. Chính điểm bất hợp lý này đã làm cho nhiều người sau khi phạm tội đã dùng nhiều thủ đoạn để làm cho người bị hại không yêu cầu khởi tố vụ án. Điều này đã làm hạn chế hiệu quả hoạt

động chống và phòng ngừa tội phạm của các cơ quan bảo vệ pháp luật, bởi do pháp luật quy định như trên nên khi các vụ “*cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*” xảy ra thì việc điều tra, thu thập chứng cứ của CQĐT thường không được tiến hành một cách kịp thời và đầy đủ, gây khó khăn cho việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, gây tổn kém về công sức, tiền của cho công tác điều tra khi vụ án bị đình chỉ; làm phát sinh tiêu cực trong việc giải quyết dân sự như người bị hại yêu cầu bồi thường quá cao hoặc đối tượng phạm tội gây sức ép với gia đình để rút đơn.

Từ những phân tích trên, chúng tôi đề nghị: tại khoản 1 Điều 105 BLTTHS 2003 nên bỏ quy định khởi tố theo yêu cầu của người bị hại đối với những vụ án về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác quy định tại khoản 1 Điều 104 BLHS nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

3.1.2. Làm rõ các tình tiết định tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Thực tiễn việc xác định mặt chủ quan của tội phạm này còn nhiều khó khăn dẫn đến khó phân biệt với tội giết người theo Điều 93 BLHS, nhất là trong trường hợp giết người chưa đạt và cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Vì vậy, pháp luật hình sự cần phải có các quy định cụ thể có căn cứ mang tính thực tiễn để xác định mặt chủ quan của tội danh này, từ đó giúp cho các cơ quan tiến hành tố tụng dễ dàng phân biệt giữa tội giết người và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

3.2. Hoàn thiện quy định về các tình tiết định khung của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác:

**** Về tình tiết dùng hung khí nguy hiểm***

Từ những khó khăn, vướng mắc nêu trên, tác giả xin đề xuất hoàn thiện hướng dẫn áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104 BLHS “*dùng hung khí nguy hiểm*” như sau:

- Hung khí nguy hiểm là vũ khí hoặc phương tiện nguy hiểm được hướng dẫn tại các tiêu mục 2.1 và 2.2 mục 2 Phần I Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP

ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và phải được định nghĩa cụ thể hơn nữa thế nào là phương tiện nguy hiểm vì khái niệm phương tiện nguy hiểm tại tiêu mục 2.2 có nội hàm không rõ ràng, chung chung, mơ hồ dẫn đến các cơ quan tiến hành tố tụng gặp nhiều khó khăn khi đánh giá một số vật như “chiếc cốc”, “cái thớt” hay cái “mũ bảo hiểm” và một số vật dụng khác trong thực tiễn có phải là phương tiện nguy hiểm hay không. Do đó cần làm rõ hơn định nghĩa này như sau: *“Phương tiện nguy hiểm là những vật, công cụ hoặc dụng cụ mà nếu sử dụng để tác động đến người khác thì sẽ gây nguy hiểm cho tính mạng hoặc gây thiệt hại cho sức khoẻ của người bị tác động mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 5% trở nên”*.

** Về tình tiết gây cố tật nhẹ cho nạn nhân*

Đây là tình tiết được xem là tình tiết định tội theo khung cơ bản và định khung khoản 2, khoản 3 của điều luật. Như vậy, theo logic thì đương nhiên tình tiết gây cố tật nặng, rất nặng với tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên cũng phải được áp dụng là tình tiết định khung để truy cứu TNHS theo khoản 2 và khoản 3 của Điều 104 BLHS 1999. Có như vậy mới đảm bảo nguyên tắc mức độ nguy hiểm cao hơn thì phải chịu hình phạt cao hơn. Điều này sẽ vừa đảm bảo nguyên tắc pháp chế, vừa đảm bảo tính công bằng và khoa học trong truy cứu TNHS đối với người phạm tội. Do đó tác giả đề xuất cần phân chia cố tật thành 3 mức độ (tương đương với các khoản 1, 2 và 3 của điều luật) bao gồm cố tật nhẹ có tỷ lệ thương tật dưới 11%; cố tật nặng có tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% và cố tật rất nặng có tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên. Việc phân chia này cũng phù hợp mức phân chia thương tật trong tội danh này.

** Khắc phục hạn chế của việc chồng lấn giữa các khung hình phạt và thu hẹp khoảng cách các khung*

BLHS 2015 đã khắc phục một số hạn chế, bất cập trong quy định của Điều 104 BLHS 1999. Trong Điều 134 BLHS 2015 đã chia thành 7 khoản với các quy định cụ thể và logic hơn, tuy nhiên, mức hình phạt giữa các khung vẫn còn sự chồng lấn. Khoảng cách giữa mức thấp nhất và mức cao nhất của khung hình phạt ở các

khoản 2 và khoản 3 đã được thu hẹp đáng kể, tuy nhiên khoảng cách này trong các khoản 4, 5 và khoản 6 lại rất rộng, cần tiếp tục nghiên cứu để thu hẹp các khoảng cách này với những mức hợp lí hơn bảo đảm thuận lợi cho người áp dụng.

3.3. Các giải pháp khác

3.3.1. Công tác hướng dẫn áp dụng pháp luật.

Bộ luật hình sự năm 1999 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X thông qua tại kỳ họp thứ 6 ngày 21/12/1999 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2000. Quá trình áp dụng, Quốc hội đã có 02 lần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp tình hình đất nước, đáp ứng tốt hơn yêu cầu công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. BLHS 1999 là công cụ sắc bén trong việc bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tuy đã được sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS 1999 (Luật số 37/2009/QH12 ngày 19/6/2009), nhưng quá trình thực thi các điều khoản trong BLHS cũng đã nảy sinh nhiều vấn đề bất cập, gây vướng mắc cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong đó có Điều, 46, 48, 104 BLHS.

Bộ luật tố tụng hình sự được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 26/11/2003. Bộ luật đã quy định trình tự, thủ tục tiến hành các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. Tuy nhiên, trong thực tế áp dụng, một số điều khoản còn quy định chưa cụ thể, rõ ràng, trong đó có quy định về giám định thương tích, khởi tố theo yêu cầu của người bị hại.

Bộ luật hình sự 2015 và Bộ luật tố tụng hình sự 2015 đã khắc phục được nhiều hạn chế, trong các hạn chế nêu trên. Tuy nhiên để việc áp dụng pháp luật một cách chính xác và thống nhất thì cần ban hành các văn bản hướng dẫn áp để thực hiện. Do đó, công tác hướng dẫn áp dụng pháp luật cần được triển khai kịp thời, tránh việc xử lý oan sai, bỏ lọt tội phạm hoặc cùng một điều luật, một tình tiết nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng lại có những cách hiểu khác nhau dẫn đến có

những quyết định và hình phạt khác nhau ảnh hưởng đến bị can, bị cáo. Chẳng hạn tình tiết “Dùng a-xít sunfuric (H₂SO₄) hoặc hóa chất nguy hiểm khác gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác” (điểm b khoản 1 Điều 134 BLHS 2015) cần hướng dẫn cụ thể nồng độ a-xít sunfuric tương ứng với các tính chất, mức độ nguy hiểm khác nhau. Điều này sẽ rất có ý nghĩa trong định tội và quyết định hình phạt các trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt.

3.3.2. Nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và tăng cường sự phối hợp hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng

** Đối với hoạt động điều tra:* Để hoạt động điều tra các vụ án có ý gây thương tích và gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có hiệu quả, cơ quan điều tra cần:

- Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ điều tra để xác định đúng các tình tiết của vụ án, xác định rõ nhân thân người phạm tội...nhằm bảo đảm quá trình định tội danh và quyết định hình phạt một cách chính xác, đồng thời hạn chế trường hợp Tòa án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

- Không ngừng nâng cao và hoàn thiện cơ chế tiếp nhận và xử lý thông tin về tội phạm, tạo mọi điều kiện cho các cá nhân, tổ chức có thể cung cấp thông tin về tội phạm được thuận lợi nhất. Cụ thể: Tiếp nhận đầy đủ mọi tố giác, tin báo về tội phạm, chủ động thực hiện các biện pháp nghiệp vụ để xác minh, điều tra, thu thập chứng cứ. Tăng cường và bố trí cán bộ có năng lực, có tinh thần trách nhiệm phụ trách ở những địa bàn trọng điểm, kịp thời nắm bắt thông tin và có phương án xử lý thông tin hiệu quả nhất. Có biện pháp bảo vệ người đến tố giác hành vi phạm tội.

- Công tác điều tra thu thập chứng cứ phải đảm bảo khách quan, toàn diện, đầy đủ và cụ thể, trước khi tiến hành điều tra phải lập kế hoạch, phương án điều tra cụ thể, làm rõ những vấn đề cần phải chứng minh, không bỏ sót bất kỳ một tình tiết có giá trị chứng minh tội phạm nào, đảm bảo việc khởi tố được chặt chẽ, đúng người đúng tội, không làm oan người vô tội cũng như không bỏ lọt tội phạm.

** Đối với hoạt động truy tố:* Để nâng cao hiệu quả của hoạt động truy tố các vụ án có ý gây thương tích và gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, Viện kiểm

sát nhân dân các cấp trên địa bàn quận Long Biên cần: *Thứ nhất*, Phân công Kiểm sát viên kiểm sát chặt chẽ việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiểm sát chặt chẽ việc khám nghiệm hiện trường, thu thập chứng cứ. Trong giai đoạn điều tra cần chủ động bám sát hoạt động điều tra, đề ra yêu cầu điều tra có chất lượng, phối hợp cùng Điều tra viên tiến hành ghi lời khai, hỏi cung bị can nếu cần thiết. *Thứ hai*, nghiên cứu kỹ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, bệnh án, giấy chứng thương, xem xét cơ chế hình thành thương tích, mối liên hệ giữa hung khí gây án và thương tích của người bị hại để ban hành bản Cáo trạng có chất lượng, thể hiện đầy đủ hành vi của bị can đã thực hiện và điều khoản áp dụng đối với hành vi đó và cuối cùng là cần nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ Kiểm sát viên để đáp ứng nhu cầu công việc.

** Đối với hoạt động xét xử.*

Thứ nhất, tiếp tục kiện toàn về tổ chức, tăng cường hơn nữa công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức Tòa án trong sạch, vững mạnh; có lộ trình từng bước để bổ sung đội ngũ cán bộ, Thẩm phán đủ về số lượng, nhất là các Tòa án nhân dân cấp huyện và các đơn vị có số lượng lớn các vụ án phải giải quyết; đảm bảo phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, trình độ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, nhất là đối với Thẩm phán.

Thứ hai, tiếp tục phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao khẩn trương ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn một số nội dung còn ý kiến khác nhau về tội cố ý gây thương tích và gây tổn hại cho sức khỏe của người khác như: việc giám định tỷ lệ thương tật của người bị hại trong trường hợp thương tích nặng nhưng người bị hại từ chối giám định; chú trọng làm tốt công tác kiểm tra việc xét xử của Tòa án cấp trên với Tòa án cấp dưới, trong đó cần tập trung, tăng cường kiểm tra theo chuyên đề về những sai sót trong công tác xét xử của các Tòa án.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tiến hành tố tụng. Cần xây dựng quy chế phối hợp giữa Tòa án, Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra, định kỳ họp trao đổi, thống nhất những vấn đề còn có ý kiến khác nhau về đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật, nhằm đảm bảo giải quyết tốt vụ án, tránh tình trạng trả hồ sơ yêu cầu điều

tra bổ sung nhiều lần giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, dẫn tới kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Kết luận chương 3

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là loại tội xâm phạm đến sức khỏe của con người, cũng là loại tội gây ra nhiều bất an trong xã hội. Trong thời gian qua quận Long Biên đã áp dụng các quy định của pháp luật hình sự xử lý nghiêm minh tội phạm này, góp phần giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên các quy định của pháp luật hình sự vẫn còn thiếu và chưa rõ ràng nên đã làm giảm hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Yêu cầu đặt ra là phải hoàn thiện BLHS, trong đó có những quy định liên quan đến tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Từ thực tiễn áp dụng thời gian qua tác giả đã đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự liên quan đến định tội danh, QĐHP và những vấn đề cần quy định rõ trong BLTTHS và các biện pháp đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

KẾT LUẬN

Trong giai đoạn hiện nay đất nước ta đang đẩy mạnh quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với mục tiêu xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Mọi hoạt động của Nhà nước đều vì quyền lợi của nhân dân. Quyền lợi của nhân dân được đưa lên hàng đầu. Từ đó việc bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, tính mạng của con người được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Nhà nước thông qua hệ thống pháp luật xây dựng nên pháp luật hình sự mà cụ thể là BLHS, trong đó có quy định những loại tội phạm và mức hình phạt đối với những tội phạm đó.

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là tội xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Đây là tội phạm chiếm tỷ lệ cao nhất trong nhóm tội xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác quy định tại Chương XII của BLHS. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là loại tội phạm nguy hiểm, ảnh hưởng lớn tính mạng, sức khỏe của người khác được Nhà nước bảo vệ. Do vậy, việc hạn chế, phòng ngừa sự gia tăng của loại tội phạm này là cần thiết, đó không chỉ là việc của cơ quan tiến hành tố tụng mà cần sự quan tâm, phối kết hợp của các ngành, các cấp và của toàn dân. Hiện nay, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên cả nước nói chung và địa bàn quận Long Biên, thành phố Hà Nội nói riêng diễn ra ngày càng phức tạp và có chiều hướng gia tăng, các băng nhóm, tội phạm gây gỗ, đánh nhau gây rối trật tự công cộng diễn ra ngày càng nhiều. Trước tình hình đó, đội ngũ cán bộ của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cần ngày càng nỗ lực, cố gắng, phấn đấu đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử và đặc biệt đưa các vụ án về tội "*cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*" ra xét xử lưu động nhằm răn đe, giáo dục, tuyên truyền pháp luật.

Qua quá trình nghiên cứu các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn quận Long Biên luôn đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không có oan sai, hầu hết các vụ án nhận được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân. Tuy nhiên, qua quá trình xét xử còn nhiều

thiếu sót mang tính khách quan. Do cấu thành tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có những điểm gần giống với một số loại tội xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác nên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vẫn còn có những quan điểm khác nhau về định tội danh. Hay có những quan điểm khác nhau về việc áp dụng điểm, khoản ngay trong một điều luật. Điều này dẫn đến việc áp dụng pháp luật không thống nhất ở các địa phương. Mặt khác, khoảng cách giữa khung hình phạt trong cùng một khoảng cũng khá rộng, dẫn đến việc sửa án theo hướng tăng hoặc giảm mức hình phạt còn nhiều.

Việc nghiên cứu toàn bộ những đặc trưng và dấu hiệu pháp lý cùng với quá trình phát triển của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ở quận Long Biên từ đó nhận xét về việc áp dụng nó trong hoạt động thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử của các Cơ quan tiến hành tố tụng để từ đó chỉ ra được những hạn chế, bất cập, khó khăn, thiếu sót cần khắc phục và những đề xuất kiến nghị hoàn thiện có ý nghĩa quan trọng không chỉ trong quá trình học tập nâng cao trình độ chuyên môn mà còn có ý nghĩa thực tiễn to lớn. Góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng giải quyết các vụ án về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn quận Long Biên, thành phố Hà Nội để từ đó tăng cường hơn nữa hoạt động đấu tranh, phòng chống loại tội phạm này. Có thể nói, trong quá trình nghiên cứu về vấn đề lý luận và thực tiễn của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tác giả cũng gặp phải nhiều khó khăn, cùng với khả năng nghiên cứu còn hạn hẹp, mặc dù đã cố gắng nỗ lực nghiên cứu, tìm tòi để hoàn thành luận văn một cách tốt nhất nhưng không tránh khỏi những khó khăn, thiếu sót. Rất mong được sự đóng góp ý kiến, quan điểm bổ sung của thầy cô để luận văn của tác giả được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Văn Beo (2008), *Luật hình sự Việt Nam phân các tội phạm*, Trường đại học Cần Thơ.
2. Công văn số 38/NCPL ngày 06/01/1976 của Tòa án nhân dân tối cao và Kết luận của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tại Hội nghị tổng kết ngành Tòa án năm 1995.
3. Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/06/2002 về “cách xác định ngày, tháng sinh của bị can, bị cáo chưa thành niên”
4. Tô Ngọc Đường (2014), *Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Phước*, Luận văn thạc sỹ luật học.
5. Đỗ Đức Hồng Hà (2007), *Luận án Tiến sỹ luật học tội giết người trong luật hình sự Việt Nam và đấu tranh phòng chống loại tội phạm này*, Trường Đại học luật Hà Nội.
6. Đỗ Đức Hồng Hà (2004), *"Phân biệt tội giết người và tội cố ý gây thương tích"*, Tạp chí Tòa án nhân dân.
7. Phạm Thị Mỹ Hạnh (2014), *Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi*”, Luận văn thạc sỹ luật học.
8. Nguyễn Ngọc Hòa, *Tội phạm và Cấu thành tội phạm*, Nxb CAND 2013
9. Nguyễn Ngọc Hòa (1993), “*Quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*”, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 1.
10. Trần Minh Hường “*Một số khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng điều 104 Bộ luật hình sự Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*”, Tạp chí kiểm sát số 10/2011.
11. Hội đồng thẩm phán TANDTC (1986), Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11/1986 hướng dẫn áp dụng một số quy định phân các tội phạm của BLHS.
12. Hội đồng thẩm phán TAND, Nghị quyết 01/NQ – HĐTP ngày 19.4.1989 hướng dẫn áp dụng bổ sung một số quy định của BLHS.

13. Hội đồng thẩm phán TANDTC, Nghị quyết số 01 – 89/HĐTP ngày 12/4/1989 hướng dẫn việc bổ sung áp dụng một số quy định của BLHS.
14. Hội đồng thẩm phán TANDTC, Nghị quyết số 04/NQ – HĐTP ngày 29.11.1996 hướng dẫn áp dụng bổ sung một số điều của BLHS.
15. Hội đồng thẩm phán TANDTC (1999), Nghị quyết 01/2006/NQ – HĐTP ngày 12/5/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự năm 1999.
16. Hội đồng thẩm phán TANDTC (2000), Nghị quyết số 01/2000/NQ – HĐTP ngày 04/8/2000 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999.
17. Hội đồng thẩm phán TANDTC (2003), Nghị quyết số 02/2003/NQ – HĐTP ngày 17/4/2003 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự năm 1999.
18. Liên Bộ y tế, Bộ Lao động Thương binh – Xã hội, Thông tư số 12/1995/TTLB ngày 26/7/1995 quy định về tiêu chuẩn thương tật và tiêu chuẩn bệnh tật mới.
19. Dương Tuyết Miên (2004), *Định tội danh và quyết định hình phạt*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
20. Nguyễn Nông (2005), “*Phân biệt tội Giết người với tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trường hợp dẫn đến chết người*”, Tạp chí kiểm sát, số 21/2005.
21. Quốc hội nước Việt Nam dân chủ Cộng Hòa (1946), Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 09/11/1946.
22. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1985), Bộ luật hình sự năm 1985, Nxb Chính trị quốc gia.
23. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1992), Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 15/4/1992, Nxb Chính trị quốc gia.
24. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, Nxb Chính trị quốc gia.
25. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Nxb Chính trị quốc gia.

26. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009, Nxb Chính trị quốc gia.
27. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), Bộ luật hình sự năm 2015, Nxb Chính trị quốc gia.
28. Đinh Văn Quế (2003), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự phần các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người*, Nhà xuất bản tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
29. Hồ Sỹ Sơn (2009), *Nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội.
30. Ngô Đình Tài (2010), *Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam*”, Luận văn thạc sỹ luật học.
31. Trần Quang Tiệp (2003), *Lịch sử luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.
32. Đỗ Thị Thanh, “*Vấn đề giám định trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác quy định tại điều 104 Bộ luật hình sự*”, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 23/2008.
33. Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 442 – TTg ngày 19/01/1955 chính thức quy định tội cố ý gây thương tích.
34. TANDTC (1987), Công văn số 03 – TATC ngày 22/10/1987 hướng dẫn thực hiện Điều 109 BLHS.
35. TANDTC, Công văn số 311/HS ngày 04/4/1989 về xác định tỷ lệ thương tật của người bị thương tích.
36. TANDTC, Công văn số 140/1998/KHXX về việc hướng dẫn áp dụng Điều 109 BLHS.
37. TANDTC, VKSNDTC và Bộ nội vụ - Thông tư liên tịch số 01/1998/TTLT ngày 02/01/1998 hướng dẫn áp dụng một số quy định của luật sửa đổi, bổ sung một số điều BLHS năm 1985 sửa đổi bổ sung năm 1997.

- 38a. TAND quận Long Biên, Bản án số 51/HSST/2008 ngày 15/4/2008.
38. TAND quận Long Biên, Bản án số 56/2013/HSST ngày 29/3/2013.
39. TAND quận Long Biên, Bản án số 179/2011/HSST ngày 29/8/2011.
40. TAND quận Long Biên, Bản án số 67/2011/HSST ngày 15/3/2011.
41. TAND quận Long Biên, Bản án số 56/2013/HSST ngày 29/3/2013.
42. TAND quận Long Biên, Bản án số 45/2013/HSST ngày 06 /02/2013.
43. TAND quận Long Biên, Bản án số 202/2014/HSST ngày 20/9/2014.
44. TAND quận Long Biên, Bản án số 432/2012/HSST ngày 29/11/2012.
45. TAND quận Long Biên, Bản án số 52/2014/HSST ngày 19/3/2014.
46. TAND quận Long Biên, Bản án số 45/2014/HSST ngày 20/02/2014.
47. TAND quận Long Biên, Bản án số 177/2013/HSST ngày 23/9/2013.
48. TAND quận Long Biên, Bản án số 105/2012/HSST ngày 08/4/2012.
59. TAND quận Long Biên, Bản án số 45/2011/HSST ngày 14/01/2011.
50. TAND quận Long Biên, Bản án số 245/2011/HSST ngày 27/10/2011.
51. TAND quận Long Biên, Bản án số 210/2014/HSST ngày 27/8/2014.
52. TAND quận Long Biên, Bản án số 117/2015/HSST ngày 12/7/2015.
53. TAND quận Long Biên, Bản án số 262/HSST/2014 ngày 15/10/2014.
54. TAND thành phố Hà Nội, Bản án số 158/2015/HSPT ngày 25/2/2015.
55. Trường Đại học Luật Hà Nội (2005), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam phần chung*, Nxb công an nhân dân, Hà Nội.
56. Trường Đại học Luật Hà Nội (2005), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam phần các tội phạm*, Nxb công an nhân dân, Hà Nội.
57. Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2013), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần các tội phạm quyển 1*, Nxb Hồng Đức, Tp. Hồ Chí Minh
58. Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nghị quyết số 229/2000/NQ-UBTVQH10, ngày 28/01/2000 về triển khai Mục 3, Nghị quyết số 32/1999/QH10.
59. Ủy ban thường vụ Quốc hội: Pháp lệnh số 16/2011/UBTVQH12, ngày 30/06/2011 về Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

60. Đào Trí Úc (Chủ biên) (1996), *Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam, Tội phạm học, Luật hình sự, Luật TTHS*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.
61. Phùng Thế Vắc và Trần Văn Luyện, *Bình luận khoa học BLHS năm 1999 phân các tội phạm*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
62. Võ Khánh Vinh (1993), *Nguyên tắc công bằng trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
63. Võ Khánh Vinh (1996), *Nguyên tắc công bằng trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án Phó Tiến sỹ.
64. Võ Khánh Vinh (2003), “*Thay đổi tội danh: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 12/2003;
65. Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về định tội danh*, Nxb Khoa học xã hội
66. Võ Khánh Vinh (2014), *Quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*, Tội phạm học, Luật hình sự, Luật TTHS; Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
67. Võ Khánh Vinh (Chủ biên)(2014), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam-Phần chung*, Nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà Nội.
68. Viện khoa học kiểm sát (2003), “*Vấn đề áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm nguy hiểm trong Bộ luật hình sự*”, Tạp chí kiểm sát.